PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Phụ lục 1
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

(Tiếp theo Công báo số 371 + 372)

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

36. Công ty cổ phần thuốc thú y TWI - Chi nhánh Đà Nẵng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	AD Polyvix	Vitamin A, D, E, B	Gói	200g	Tăng cường trao đổi chất, kích thích tiết sữa, tăng trọng	TWI-X3-9
2	ADE B.complex	Vitamin A, D, E, B	Gói	150g	Kích thích tiết sữa, tăng sản lượng trứng	TWI-X3-15
3	Tetramysol	Levamisol	Gói	2g	Tẩy giun tròn	TWI-X3-157

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Penicillin G Potassium	Penicillin G potassium	Lọ	1000.000UI 800.000UI	Điều trị bệnh đóng dấu, tỵ thư ngựa, viêm phổi, màng phổi, Leptospirosis, nhiệt thán,...	TWI-X3-4
5	Streptomycin Sulphate	Streptomycin sulfate	Lọ	1g	Sảy thai truyền nhiễm cấp tính, bệnh đường ruột, tụ huyết trùng, Listeriosis,...	TWI-X3-5
6	Terramycin 500	Tetracyclin; Vit A, D, E	Gói	5g	CRD, viêm ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng	TWI-X3-36
7	Pen-strep	Penicillin G, Streptomycin	Lọ	1; 1,5 và 2MUI	Tụ huyết trùng, viêm phổi, đóng dấu, Lepto	TWI-X3-73

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

37. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương (Navetco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Terra-C	Vit C, Oxytetracyclin	Gói, xô	20, 100g; 1kg, 2kg	Trị nhiễm trùng, tăng sức đề kháng	TWII-24
2	Oxylizon	S.M. Z, Oxytetracyclin	Gói, xô	20g, 100g; 1kg, 2kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-25
3	Terramix 500	Oxytetracyclin	Gói	200g, 500g, 1kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng	TWII-26
4	Terramycin-Trứng	Vitamin, Oxytetracyclin	Gói, hộp	50, 100g	Thuốc bổ sung Vitamin	TWII-27
5	Neotesol	Neomycin, Oxytetracyclin	Hộp	250g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-30
6	Calci ADE	Vitamin ADE, Calci gluconat	Gói Xô	6g, 10g, 50g 1kg, 10kg	Bổ sung Vitamin	TWII-35
7	Vitamix	Vitamin, các vi lượng	Gói, xô	50, 100, 1,2kg	Thuốc bổ sung chất dinh dưỡng	TWII-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	Tylomycin	Streptomycin,Tylosin	Gói	1g, 5g	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-55
9	Terra-colivit	Oxytetracyclin, Vitamin	Gói, hộp	50, 100g; 1kg, 2kg	Thuốc bổ sung Vitamin, tăng trọng	TWII-57
10	Regecoccin	Regecoccin	Gói	5g, 25g	Điều trị bệnh nhiễm trùng	TWII-60
11	Viitacalcium	Các Vitamin, Calci	Gói	50, 100g; 1kg, 2kg	Thuốc bổ sung Vitamin	TWII-61
12	Tetra-Strep	Oxytetracyclin, Streptomycin	Gói Hộp	50, 100, 500g 1kg, 2kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp tiêu hóa	TWII-62
13	Amfa-C	Ampicillin, Vitamin C	Gói, hộp	100g, 500g, 1kg, 2kg	Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa	TWII-69
14	T.T.S. Plus	Tylosin, Sulfamid	Gói, hộp	50g, 100g; 1kg, 2kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng	TWII-73
15	Navet-Vita-Plus	Các vitamin	Gói	50, 100g	Thuốc bổ sung vitamin	TWII-74
16	Navet-Tylan - Vit	Vit C, Tylosin, Sulfa	Gói, hộp	50, 100g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-79
17	Vita Electrolytes	Vitamin, khoáng vi lượng	Gói, xô	50g, 100g; 1kg, 2kg	Thuốc bổ sung chất dinh dưỡng	TWII-81
18	Navet-Vitamin-C Antistress	Vitamin C, A. citric	Gói	100g	Tăng cường sức đề kháng, chống stress	TWII-98
19	Navet-Saracin	Sarafloxacin HCl	Gói	5; 10; 50; 100g	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sarafloxacin gây ra tiêu chảy trên heo con	TWII-70
20	Navet-Fenben	Fenbendazole	Gói	5; 10; 50; 100g	Tẩy giun sán ở phổi, ở đường ruột, thận cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	TWII-85
21	Navet-Norflox-C	Norfloxacin HCl, vitamin C	Túi, hộp, bao	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do Mycoplasma, E.coli, Haemophilus paragalinarum, Pasteurella multocida gây ra trên gia cầm	TWII-124

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
22	Navet-Neo-Dox	Doxycycline hyclate, Neomycin sulfate	Túi, hộp, bao, túi, hộp, bao	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	TWII-125
23	Navet-Tylo-Dox	Doxycycline HCl, Tylosin tartrate	Túi, hộp, bao	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	TWII-126
24	Penicillin potassium	Penicillin	Chai	1.000.000 UI	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-15
25	Penicillin.G sodium	Penicillin	Chai	1.000.000 UI	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-16
26	Streptomycin sulfate	Streptomycin	Chai	1g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-17
27	Combiocin	Streptomycin Penicillin	Chai	1g Strep 1.000.000 U.I Peni	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-18
28	Ampicillin sodium	Ampicillin	Chai	500mg	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-45
29	Navet-Vitamix Soluble	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_5, B_6, PP, C, B_{12}, Acid Folic, Biotin	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 2; 5; 20kg	Giảm stress trên bê nghé, lợn, gia cầm	TWII-141
30	Navet-Vita-M	Vitamin C, Vitamin E, Methionin	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 2; 5; 20kg	Phòng trị thiếu vitamin E, C và Methionine, tăng cường sức đề kháng bệnh, chống Stress	TWII-142
31	Navet-Biovit	Hệ vi khuẩn lên men lactic VTM (A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_5, B_6, PP, B_{12}), Acid folic; Cholic	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 2; 5; 20kg	Bổ sung vi sinh vật lên men tiêu hóa, các vitamin, chống Stress, ức chế vi khuẩn có hại phòng bệnh đường ruột	TWII-143

38. Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bio-Vitadox	Doxycycline	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg,10; 20kg	Phòng - trị các bệnh đường hô hấp và tiêu hóa, bệnh nhiễm trùng	LD-BP-15
2	Bio-Lincomix	Lincomycine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g,1kg, 10; 20kg	Trị bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục ở gia súc, gia cầm	LD-BP-16
3	Bio-Flum 100	Flumequine	Gói, hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm rốn ở gia súc, gia cầm	LD-BP-22
4	Bio-T.M.P.S 48%	Trimethoprim, Sulfadiazine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm móng khớp	LD-BP-27
5	Bio-Tetra 10%	Tetracycline	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Phòng, trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	LD-BP-29
6	Bio-Ery 5,5%	Erythromycine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g,1kg; 10; 20kg	Phòng, trị các bệnh hô hấp ở gia súc, gia cầm	LD-BP-31
7	Bio-Tetra.Colivit	Colistin, Oxytetracycline, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_{12}, Riboflavin, Ca pantothenate, Niacinamide	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 20kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm và heo	LD-BP-34
8	Bio-AD_3E	Vitamin A, D, E	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng - trị bệnh thiếu vitamin A, D, E ở gia súc	LD-BP-37
9	Bio-Anflox 100	Norfloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr(-), gr(+) ở gia súc, gia cầm	LD-BP-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Bio-Anflox 50	Norfloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr(-), gr(+) và Mycoplasma ở gia súc, gia cầm	LD-BP-39
11	Bio-E.C	Erythromycin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp CRD, viêm xoang mũi, tiêu hóa, viêm vú	LD-BP-40
12	Bio-Fer	Fer-dextran	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở heo con theo mẹ	LD-BP-41
13	Bio-Fer+B_{12}	Fer-dextran	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị thiếu máu ở heo con theo mẹ, do nhiễm trùng và KST	LD-BP-42
14	Bio-Septryl 24%	Trimethoprim, Sulfa. pyridazine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, viêm khớp, thối móng	LD-BP-44
15	Bio-Tylo 200	Tylosine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, tiết niệu, viêm da, viêm tai	LD-BP-45
16	Bio-Tyfocid	Thiamphenicol	Chai, lọ	60, 150, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng vết mổ vết thiến, ngăn ruồi đục khoét vết thương	LD-BP-46
17	Bio-B.Complex	Vitamin B	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Phòng, trị bệnh thiếu vitamin nhóm B	LD-BP-47
18	Bio-Cevit	Vitamin C	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh thiếu Vitamin nhóm C, tăng cường sức đề kháng	LD-BP-48
19	Bio-Cobal	Cobalamin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu vitamin B_{12}, suy dinh dưỡng	LD-BP-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
20	Bio-D.O.C	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Dexa, Bromhexine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, thối móng	LD-BP-51
21	Bio-Linco-S	Lincomycin, Spectinomycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị tiêu ra máu, thương hàn, viêm khớp, nhiễm trùng hô hấp	LD-BP-52
22	Bio-Levamisol 10%	Levamisol	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị các loại giun trên gia súc, gia cầm...	LD-BP-55
23	Bio-Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, hồng lỵ ở heo do Treponema	LD-BP-56
24	Bio-Tiamulin	Tiamulin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng trị bệnh hô hấp, viêm khớp, THT, lepto, CRD ở gia súc - gà	LD-BP-57
25	Bio-Kana	Kanamycine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh viêm nhiễm đường hô hấp và tiêu hóa	LD-BP-59
26	Bio-CRD	Spiramycin, Oxytetracycline	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị các bệnh hô hấp: CRD, CRD + E.Coli, viêm xoang mũi, viêm phổi ở vịt	LD-BP-65
27	Bio-Colitrim	Colistin, Trimethoprim	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa và hô hấp ở thú con và gia cầm	LD-BP-66
28	Bio-Colidox	Colistin, Doxycycline	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị bệnh hô hấp mãn tính ở gia cầm, bệnh nhiễm trùng đường ruột, bệnh Lepto	LD-BP-67

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
29	Bio-Erythromycin 20%	Erythromycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	LD-BP-74
30	Bio-Tetra 10% Inj	Tetracycline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma	LD-BP-75
31	Bio-Super-Egg-Promoter	Vitamin A, D, E, B, Oxytetracycline	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg,10; 20; 25kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin và Acid amin thiết yếu cho gà thịt, gà đẻ	LD-BP-76
32	Bio-norxacin	Norfloxacin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục ở gia súc, gia cầm	LD-BP-80
33	Bio-Tycosone	Tylosin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục	LD-BP-81
34	Bio-genta-Tylosin	Gentamycin, Tylosin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp và sinh dục	LD-BP-82
35	Bio-Anazine	Dipyrone	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Kháng viêm, hạ sốt, giảm đau, an thần, chống stress	LD-BP-83
36	Bio- Norfloxacin 100 Oral	Norfloxacin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục ở gia súc, gia cầm	LD-BP-84
37	Bio- Norfloxacin 200 Oral	Norfloxacin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng, trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	LD-BP-85
38	Bio-Genta 10%	Gentamycine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp và sinh dục	LD-BP-91
39	Bio-Dexa	Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống dị ứng, stress, viêm do nhiễm hoặc không nhiễm trùng	LD-BP-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
40	Bio-Linco	Lincomycine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, ngoài da, áp xe	LD-BP-93
41	Bio-Anticoc	Sulfadimidine, Diaveridine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg10; 20kg	Điều trị hữu hiệu tất cả các loại cầu trùng ở gia cầm, thỏ và heo	LD-BP-100
42	Bio-Neo-Colistin	Neomycin, Colistin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g,1kg,10; 20kg	Phòng trị các bệnh đường tiêu hóa trên gia cầm, heo, bê, nghé	LD-BP-102
43	Bio-Sultrim 48%	Trimethoprim, Sulfadiazine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị CRD, thương hàn, THT, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú và tử cung	LD-BP-105
44	Bio-Leva	Levamisol	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Tẩy sạch các loại giun trên gia súc, gia cầm	LD-BP-109
45	Bio-Antiscours	Spectinomycine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng - trị tiêu chảy heo con, bê nghé, gia cầm	LD-BP-111
46	Bio-Colistin	Colistin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g,1kg, 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn G^-	LD-BP-112
47	Bio-Enrofloxacin	Enrofloxacin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy ở gia súc gia cầm	LD-BP-114
48	Bio-Cefalexin	Cefalexin	Ống, chai lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị sưng phù đầu cho gà, vịt, phù thũng heo con, THT, viêm phổi	LD-BP-115
49	Bio-Selevit-E inj	Anphatocopherol acetat	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị thoái hóa cơ, bại liệt chân, ngộ độc sắt trên heo con	LD-BP-295
50	Bio-Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị THT, thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy do E.Coli	LD-BP-116

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
51	Bio-Chlortetracyclin 100	Chlortetracyclin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng - trị nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa ở heo, gà, vịt	LD-BP-117
52	Bio-Doxycol	Doxycycline, Colistin	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng - trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa và Mycoplasma trên heo và gia cầm	LD-BP-119
53	Bio-Antisamonell	Thiamphenicol	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1, 10; 20kg	Trị thương hàn, bạch lỵ, viêm ruột tiêu chảy do Salmonella, E.Coli	LD-BP-120
54	Bio-Anti-Mycoplasma	Tiamulin, Chlortetracycline	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1, 10; 20kg	Trị viêm xoang, khớp, CRD, tiêu chảy, THT, thương hàn ở heo, gà	LD-BP-122
55	Bio-Bromhexine	Bromhexine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Giảm ho long đờm, chống co thắt phế quản trong viêm, viêm phổi	LD-BP-126
56	Bio-Genta. Amox Inj	Gentamycin, Amoxicillin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	LD-BP-127
57	Bio-Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Kích thích thèm ăn, điều trị phù thũng, viêm dây thần kinh	LD-BP-129
58	Tiamulin 10%	Tiamulin	Chai, lọ Can	50; 60; 100; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 20 lít	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, hồng lỵ trên heo do Treponema	LD-BP-134
59	Bio-Vitamin B_1+B_6+B_{12}	Vitamin B_1	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị kém ăn, chậm lớn, còi cọc, sinh sản kém, thiếu máu, bại liệt, phù	LD-BP-135

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
60	Bio-Enrovita	Enrofloxacin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên heo, gia cầm, bê, nghé	LD-BP-137
61	Bio-Vitamin AD_3E	Vitamin A, D, E	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh thiếu vitamin A, D, E ở gia súc, gia cầm	LD-BP-139
62	Bio-Multivitamins	Vitamin A, D, E, B	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh thiếu vitamin, yếu xương, tăng sức kháng bệnh	LD-BP-141
63	Bio-Codexine	Ampicillin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột, sinh dục	LD-BP-149
64	Bio-Amox LA	Amoxicilline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, tiết niệu, tiêu hóa	LD-BP-150
65	Bio-Dextol	Dextrose	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250ml	Trị suy nhược cơ thể, viêm gan, suy thận, giải độc, cung cấp năng lượng	LD-BP-154
66	Bio-Flumequine 20%	Flumequine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng - trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	LD-BP-155
67	Bio-Enrofloxacin 10% oral	Enrofloxacin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị CRD, tiêu chảy do E.coli, viêm khớp, thương hàn, THT.	LD-BP-156
68	Bio-Enrofloxacin 25	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị THT, thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy do E.coli	LD-BP-158
69	Bio-Fer+B_{12} 20%	Fer-Dextran	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị thiếu máu ở heo con theo mẹ, bệnh thiếu máu do nhiễm trùng và ký sinh trùng	LD-BP-159
70	Bio-neopectin	Neomycin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Điều trị viêm ruột tiêu chảy ở heo con, bê, nghé, chó mèo	LD-BP-163

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
71	Bio-Colistin Inj	Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-) gây ra	LD-BP-165
72	Bio-Coli-Mutin	Tiamulin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị các bênh nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa	LD-BP-166
73	Bio-Spiramycin	Spiramycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng trên đường hô hấp và sinh dục	LD-BP-168
74	Bio-Doxycycline 10%	Doxycycline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp và sinh dục ở gia súc, gia cầm	LD-BP-169
75	Bio-Spira. S	Spiramycin, Streptomycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp, sinh dục trên gia súc, gia cầm	LD-BP-170
76	Bivermectin 0,25%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng ở bê, nghé, thỏ, dê, cừu, heo, chó	LD-BP-172
77	Bivermectin 1%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng ở heo, trâu, bò, ngựa	LD-BP-173
78	Bio-Enrofloxacin 100	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy	LD-BP-174
79	Bio-Prednisolone	Prednisolone	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống viêm trong bệnh nhiễm trùng trên gia súc, chó mèo	LD-BP-175
80	Bio-Ivermectin	Ivermectin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh nội - ngoại ký sinh trùng trên heo	LD-BP-183
81	Bio-Tylosin-PC	Tylosin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương	LD-BP-185

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
82	Bio-Ampi-Coli	Ampicillin, Colistin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	LD-BP-187
83	Bio-Ampi-K	Ampicillin, Kanamycin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm thận, viêm vú và tử cung	LD-BP-188
84	Bio-Streptomycin	Streptomycine	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, sảy thai truyền nhiễm, Lepto, viêm vú, viêm khớp	LD-BP-194
85	Bio-Penicillin	Penicillin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr(+) gây ra	LD-BP-195
86	Bio-Spira-Strep	Spiramycin, Streptomycin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp do Mycoplasma, viêm vú, tử cung	LD-BP-196
87	Bio-Kana-Peni	Kanamycin, Penicillin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dấu son, sinh dục, nhiễm trùng vết thương	LD-BP-197
88	Bio-Genta-Amox	Gentamycin, Amoxicillin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, nhiễm trùng máu	LD-BP-198
89	Bio-Amoxicillin	Amoxicilline	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra	LD-BP-199
90	Bio-Ampicillin	Ampicilline	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra	LD-BP-200
91	Bio-Fer+Genta-Tylo	Fer-dextran, Tylosin, Gentamycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị thiếu máu, kết hợp thiếu máu với viêm ruột tiêu chảy	LD-BP-201
92	Bio-Atropin	Atropin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị co thắt ruột - khí phế quản, tiêu chảy nặng, giảm đau - tiền mê	LD-BP-202

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
93	Bio-Anti-CRD	Spiramycine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g,1kg, 10; 20kg	Trị bệnh CRD	LD-BP-203
94	Bio-Spiracol	Spiramycin, Colistin	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	LD-BP-204
95	Bio-Amcoli-Plus	Ampicillin, Colistin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g,1kg,10; 20kg	Phòng trị viêm ruột tiêu chảy, viêm xoang mũi, viêm móng, viêm khớp	LD-BP-205
96	Bio-Cocci-Stop	Sulfachloropyry-dazine	Gói Hộp; bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng ngừa và điều trị các loại cầu trùng ở gà, thỏ, heo con	LD-BP-206
97	Bio-Bivermectin 0,1%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị nội, ngoại ký sinh trùng ở chó và thỏ	LD-BP-208
98	Bio-Para 100	Paracetamol	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Thuốc hạ sốt, giảm đau cho trâu, bò, heo, ngựa, chó, gà	LD-BP-209
99	Bio-Spira-Colistin	Spiramycin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp và tiêu hóa, viêm đa khớp, viêm vú	LD-BP-213
100	Bio-Oxytetracol	Oxytetracycline, Thiamphenicol	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g,1kg,10; 20kg	Trị bệnh nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, sưng phù đầu	LD-BP-226
101	Bio-Ampi-Bactrim	Ampicilline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	LD-BP-229
102	Bio-Ade+ B.Complex	Vitamin A, D, E	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh thiếu vitamin, tăng sức đề kháng, tăng năng suất	LD-BP-230

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
103	Bio-Ery-Colisone	Erythromycin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, tử cung, viêm khớp	LD-BP-233
104	Bio-Doxy-Colisone	Doxycycline, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm rốn, khớp, tử cung	LD-BP-235
105	Bio-Peni-Strepto	Penicillin, Streptomycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, THT, dấu son	LD-BP-237
106	Bio-Erybactrim	Erythromycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm rốn, viêm vú	LD-BP-241
107	Bio-Fenbendazol	Febendazol	Gói Hộp, bao	5,10,30,50,100,250,500g,1kg 100; 250; 500g, 1kg,10; 20kg	Tẩy sạch các loại giun, sán ở heo, bê nghé và chó	LD-BP-243
108	Bio-B.Complex-C	Vitamin B	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị các bệnh thiếu Vitamin nhóm B và nhóm C	LD-BP-258
109	Bio-Anti-Ecoli	Colistin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị tiêu chảy phân trắng, thương hàn trên heo con, bê, nghé, gà, vịt	LD-BP-272
110	Bio-Diarrhea-Stop	Sulfachloropyrydazine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1,2,5,20 lít	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột ở heo con	LD-BP-274
111	Bio-Quino-Coc	Sulfaquinoxaline	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng manh tràng, ruột non ở gà, thỏ, heo con	LD-BP-275
112	Bio-tetra 200 L-A	Tetracycline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị THT, lepto, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp gia súc, gia cầm	LD-BP-278

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
113	Bio-Aspirin-C	Acetyl salicilic	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước và mất chất điện giải	LD-BP-283
114	Bio-Anagin-C	Analgin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước, mất chất điện giải	LD-BP-288
115	Bio-Anazin.C (Fever-Stop)	Alnagin, Vit C	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Hạ sốt, kháng viêm, chống stress, giảm đau	LD-BP-296
116	Bio-Hepatol+B_{12} Inj	Sorbitol	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Tăng khả năng tiết mật, tăng cường chức năng giải độc gan	LD-BP-297
117	Bio-Norfloxacin 300	Norfloxacin, Vitamin B_6	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do Mycoplasma và các loại vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	LD-BP-298
118	Bio-Colistin Premix	Colistin	Gói Hộp; bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-)	LD-BP-304
119	Bio-Ery 30%	Erythromycin	Gói Hộp; bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Trị các bệnh đường hô hấp trên gia cầm do vi khuẩn gr(+) và Mycoplasma	LD-BP-307
120	Bio-Amoxicillin 50%	Amoxicillin trihydrate	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi ở gia cầm - gia súc	LD-BP-308
121	Bio-Sultrim W.S.P	Sulfachlopyridazine, Trimethoprim	Gói, hộp Bao	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 20kg	Trị viêm rốn, C-CRD, viêm phổi, thương hàn, THT trên heo, gia cầm	LD-BP-317
122	Bio-Colistin W.S.P	Colistin sulfate	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, PTH trên gia súc, gia cầm	LD-BP-318

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
123	Bio-Amino Fort Inj	Potassium chloride, $MgSO_4$, Sodium Acetat, Nicotinamide, Methionin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Tăng đề kháng trong nhiễm trùng, suy nhược, kích tăng trọng ở gia súc, chó mèo	LD-BP-321
124	Bio-Enro-C	Enrofloxacin, Vitamin C	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng do VK Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma trên gia súc, gia cầm	LD-BP-326
125	Bio-Vitamin K	Vitamin K	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Cầm máu do phẫu thuật, xuất huyết do cầu trùng, ký sinh	LD-BP-334
126	Bio-Cefacol	Cefalexin, Colistin sulfate	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g,1kg; 10; 20kg	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp	LD-BP-336
127	Bio-Trime-doxine	Sulfadoxine, Trimethoprim	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Diệt khuẩn đối với vi khuẩn đã đề kháng với Sulfamid	LD-BP-344
128	Bio-B.Complex fort	Vit B_1, B_2, B_5, B_6	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Tăng cường sinh lực, kích thích thèm ăn trên gia súc - chó, mèo	LD-BP-358
129	Bio-dextrose	Dextrose monohydrate	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Cung cấp năng lượng, nước trong trường hợp: suy nhược, mất nước do tiêu chảy nặng, sốt cao, ngộ độc	LD-BP-360
130	Bio-coli.SP	Colistin, Spectinomycin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 00ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị tiêu chảy phân trắng, vàng, phân lẫn máu trên heo con	LD-BP-375
131	Bio-sone	Thiamphenicol, Dexa, Oxytetracycline, Brom	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy	LD-BP-380

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
132	Bio-elect-C	Dextrose	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị mất nước, mất chất điện giải, suy nhược do sốt, tiêu chảy	LD-BP-381
133	Bioxinil	Nitroxinil	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị sán lá gan, sán lá dạ cỏ, giun phổi, giun tròn trên trâu bò, dê cừu và các loài giun móc trên chó	LD-BP-382
134	Bio-ATP plus	Adenosine Triphosphate	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Thuốc bổ cơ bắp, trị yếu cơ, teo, hoại tử cơ ở gia súc, chó	LD-BP-383
135	Bio-dewormer	Albendazole	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị sán lá gan, giun phổi, giun tròn, sán dây trên trâu bò, dê cừu	LD-BP-386
136	Bio - Tylosin DC	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Bromhexine, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung ở gia súc, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-392
137	Bio-norflox	Norfloxacin, Bromhexine	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg 10kg	Phòng và trị nhiễm trùng trên đường tiêu hóa và hô hấp	LD-BP-398
138	Bio-kitasultrim	Kitasamycine, Sulfadimidine	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1; 10; 25kg	Phòng và trị nhiễm trùng trên đường tiêu hóa và hô hấp	LD-BP-403
139	Bio-cefatin	Cefalexin, Colistin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sưng phù đầu ở vịt, gà, phù thũng ở heo con, THT, viêm phổi	LD-BP-404
140	Bio-zurilcoc	Toltrazuril	Chai, lọ, can	60; 250; 500ml; 1, 5 lít	Trị cầu trùng	LD-BP-406

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
141	Bio-cefa mas	Cefalexin	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bò sữa, trâu, bò giống. Trị viêm vú lúc cạn sữa	LD-BP-407
142	Bio-tetra mas	Oxytetracycline	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bò sữa, trâu, bò giống. Trị viêm vú lúc cạn sữa	LD-BP-408
143	Bio-neo mas	Neomycine	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bò sữa, trâu, bò giống. Phòng ngừa viêm vú	LD-BP-409
144	Bio-sul mas	Trimethoprime, Sulfadimidine	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bò sữa, trâu, bò giống. Phòng ngừa viêm vú	LD-BP-410
145	Bio-OTC	Oxytetracycline	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg 10kg	Điều trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng ở heo con, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, THT, CRD	LD-BP-414
146	Bio-Doxy	Doxycycline	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg 10kg	Trị CRD, THT, viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy	LD-BP-415
147	Bio-Tylan Fort	Tylosin, Sulfa-chloropyridazine	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg, 10kg	Phòng trị bệnh CRD, viêm xoang mũi, sưng phù đầu, bệnh do Mycoplasma, bệnh đường hô hấp	LD-BP-416
148	Bio-Dexazine	Analgin, Dexamethasone	Chai, lọ	10, 20, 50; 100ml	Kháng viêm kết hợp hạ sốt trong các bệnh nhiễm trùng	LD-BP-417
149	Bio-Vagilox	Norfloxacin	Viên	5; 10g	Trị viêm tử cung ở lợn	LD-BP-420
150	Bio-Vagilin	Oxytetracycline	Viên	5; 10g	Điều trị viêm tử cung ở lợn	LD-BP-421
151	Bio-Tylan 500	Tylosin tatrate	Gói, hộp, bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg, 10kg	Điều trị bệnh CRD ở gà, bệnh hô hấp, viêm phổi địa phương ở lợn	LD-BP-422

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
152	Bio Calci -PC	Calcium, Phosphorus, Vitamin C	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Chống còi xương, điều trị bại liệt, sốt sữa do thiếu canxi	LD-BP-423
153	Bio-Peni.G	Penicillin G sodium	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50ml, 100ml; 250ml, 500ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(+), nhiễm trùng vết thương, viêm lở da, nhiễm trùng sau phẫu thuật	LD-BP-424
154	Bio-Dexine	Bromhexine, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, long đờm	LD-BP-425
155	Bio-Tobcine	Tobramycin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị THT, viêm phổi, màng phổi, viêm khớp, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo. CRD, thương hàn trên gà, vịt	LD-BP- 427
156	Bio-Florsone	Florphenicol	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, sưng phù đầu, viêm phổi, nhiễm trùng vết thương, viêm vú	LD-BP-429
157	Bio-Penstrep	Penicillin G sodium, Streptomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị THT, viêm phổi, dấu son, viêm tử cung, viêm khớp, lepto	LD-BP-430
158	Bio-Marcosone	Marbofloxacin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma	LD-BP-431
159	Bio-Alben	Albendazole	Viên	1; 5g	Tẩy giun sán: sán lá gan, giun phổi, giun đũa, giun xoăn	LD-BP-432
160	Bio-Clormectin	Ivermectin Clorsulon	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tẩy giun phổi, giun tròn ký sinh ở ruột; sán lá gan; ghẻ; bọ chét	LD-BP-433
161	Bio-Gentadrop	Gentamycin; Dexa	Lọ	5; 10; 20ml	Trị viêm mắt do nhiễm trùng	LD-BP-434

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
162	Bio-Speclin	Spectinomycin Lincomycin	Hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1kg; 10; 25kg	Đặc trị viêm phổi do Myco-plasma	LD-BP-435
163	Bio-Cocci 33	Sulffaclozine	Hộp Bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1kg; 10; 25kg	Đặc trị bệnh cầu trùng trên gà, heo con, bê, nghé	LD-BP-436
164	Bio-Nazen	Diminazene Antipyrine	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị ký sinh trùng đường máu: Tiên mao trùng, lê dạng trùng	LD-BP- 437
165	Bio-Chromix	Chromium	Hộp Bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1kg; 10kg; 25kg	Tăng tỷ lệ thịt nạc ở lợn, gà; tăng khả năng thụ thai ở lợn nái	LD-BP- 438
166	Bio-Metasal	Butaphosphan, Cyanocobalamin	Chai/ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Điều chỉnh rối loạn trao đổi chất do thiếu dinh dưỡng, do mắc bệnh	LD-BP- 439
167	Bio-Triclaben	Triclabendazole	Viên	1g; 5g	Tẩy các loại sán lá trên trâu bò, dê, cừu, ngựa	LD-BP-441
168	Bio-Ampiject	Ampicillin trihydrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, THT, dấu son, thương hàn trên gia súc, gia cầm	LD-BP-443
169	Bio-Levamide	Niclosamide, Levamisole	Viên	1; 5g	Tẩy giun, sán trên chó, mèo	LD-BP-444
170	Bio-Colimutin fort	Tiamulin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, chó mèo	LD-BP-445
171	Bio- Apracin 200	Apramycin	Chai	20; 50; 60; 100; 150ml	Trị viêm đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm khớp trên bê, nghé, heo, dê, cừu, chó mèo	LD-BP-446
172	Bio- Flum OS	Flumequine	Chai, can	20; 50; 60; 100; 150; 250; 500ml; 1; 5; 20l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	LD-BP-447
173	Bio-new diarrhea stop	Gentamycine	Chai, can	20; 50; 60; 100; 150; 250; 500ml; 1; 5; 20l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo con, bê, nghé	LD-BP-448

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
174	Bio Flor-Doxy	Florfenicol, Doxycycline	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-BP-449
175	Bio-Apracin 100	Apramycin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, THT, viêm khớp, viêm vú trên bê, nghé, heo, dê, cừu, chó, mèo	LD-BP-450
176	Bio-Danosone	Danofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi cấp tính trên trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-BP-452
177	Bio-speclin for dogs	Spectinomycin, Lincomycin	Viên	300mg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên chó	LD-BP-453
178	Bio-Erymax	Erythromycin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-BP-454
179	Bio-Rantel	Praziquantel, Pyrantel pamoate	Viên	600mg	Tẩy giun sán chó, mèo	LD-BP-455
180	Bio-E.T.S	Erythromycine, Sulfadiazine	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, heo, gia cầm	LD-BP-26
181	Bio-T.S.T	Tylosin tartrate, Sulfadiazine, Vitamin A, C	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị viêm phổi, thương hàn, phó thương hàn, viêm ruột trên bê, nghé, heo, thỏ, gà, vịt	LD-BP-64
182	Bio-Gentatrim	Gentamycin, Trimethoprim, Niacin	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn trên bê, nghé, heo, gia cầm	LD-BP-72
183	Bio-E.colistop	Colistin sulfate, Gentamycin, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên heo, gà, vịt, cút	LD-BP-268

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
184	Bio-Scour W.S.P	Neomycin, Streptomycin, Atropine	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị viêm ruột tiêu chảy trên bê, nghé, heo con, chó, mèo, gà, vịt	LD-BP-324
185	Bio-Tylosulfadoxin-C	Sulfadoxine, Tylosin, Vitamin C	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà, vịt	LD-BP-353
186	Bio-Clorococ	Sulfachloropyrazine, Diaveridine, Vitamin A	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng đường ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	LD-BP-372
187	Bio-Coli	Colistin sulfate, Tylosin, Paracetamol, Vitamin C	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, PTH, hồng lỵ, nhiễm trùng hô hấp trên heo. Viêm ruột tiêu chảy, thương hàn trên gia cầm	LD-BP-374
188	Bio-Glucose 5%	Glucose	Chai	250; 500ml; 1l	Bù sự mất nước, cung cấp năng lượng	LD-BP-456
189	Bio-Ampi+Ery	Ampicillin, Erythromycin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1; 10; 25kg	Trị THT; phó thương hàn; viêm phổi, phế quản, khí quản, CRD	LD-BP-457
190	Bio-Amox+Tylosin	Amoxycilline, Tylosin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1; 10; 25kg	Trị đường hô hấp, nhiễm trùng tiêu hóa, nhiễm trùng tiết niệu, sinh dục trên heo, gia cầm	LD-BP-458
191	Bio-Coc	Toltrazuril	Chai	10; 60; 100; 150; 250; 500; 1; 5; 20 lít	Trị bệnh cầu trùng trên lợn con do Eimeria spp gây ra	LD-BP-459
192	Bio-Flor 10% Oral	Florfenicol	Chai; can	60; 150; 250l; 500ml; 1; 5; 20 lít	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	LD-BP-460

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
193	Bio- Cep 5	Ceftifur HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftifur gây ra	LD-BP-461
194	Bio-Doxy Fort	Doxycycline, Paracetamol, Bromhexine	Gói, lon	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, heo, dê, gia cầm	LD-BP-462
195	Bio-Genta-Tylo	Gentamycin, Tylosin	Gói, lon	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, dê, gia cầm	LD-BP-463
196	Bio-Ampi Coli Max	Ampicillin, Colistin, Paracetamol, Potassium chloride	Gói, lon	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gia cầm	LD-BP-464
197	Bio-Ampicoli	Ampicillin, Colistin, Paracetamol	Gói, lon	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gia cầm	LD-BP-465
198	Bio-Progesterone	Progesterone, Vitamin E	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Ngăn ngừa sự co thắt tử cung trong thời gian mang thai, giúp an thai, phòng ngừa sảy thai. Điều trị chậm lên giống hoặc lên giống liên tục trên trâu bò, lợn, chó và mèo	LD-BP-466
199	Bio-Albenol 2,5% Plus	Albendazole; Selenium; Cobalt	Chai	60; 150; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị sán lá gan, giun phổi, và các loại giun tròn đường ruột trưởng thành, chưa trưởng thành và trứng ở trâu, bò, dê, cừu	LD-BP-467

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
200	Bio-Amox.clav	Amoxicillin trihydrate Clavulanic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, bê, chó, mèo, lợn	LD-BP-468
201	Bio-Ceptiofur	Ceftiofur sodium	Chai	1; 4g	Trị bệnh do E.coli, tiêu chảy phân trắng, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm rốn trên gà, vịt; trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn; viêm đường tiết niệu trên chó; khống chế tỷ lệ chết sớm ở gà 1 ngày tuổi	LD-BP-469
202	Bio-Levaxantel	Praziquantel Levamisole HCl	Chai	60; 150; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị sán dây, giun đũa, giun kim, giun phổi, giun tóc, giun xoăn trên gia cầm	LD-BP-470
203	Bio-Tilmicosin	Tilmicosin	Chai	60; 150; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, CRD trên lợn, gia cầm	LD-BP-471
204	Bio-Tulacin 100	Tulathromycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	LD-BP-472
205	Bio-florsone 400 LA	Florfenicol	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, thương hàn, viêm ruột, ỉa chảy, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	LD-BP-473
206	Bio-genta mas	Cephalexin monohydrate, Gentamycin sulfate	Syringe	5; 10; 20ml	Trị viêm vú trên bò sữa, dê, cừu	LD-BP-474

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
207	Biotin Plus	Vitamin A; Biotin; Zn	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Cung cấp vitamin, khoáng chất, trị bệnh về lông, da	LD-BP-12
208	Bio-Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Bổ sung Vitamin C, tăng cường sức đề kháng cho gia súc	LD-BP-73
209	Bio-Electrolytes	$NaHCO_3$; KCl; NaCl	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Trị mất nước do tiêu chảy sốt cao, stress hoặc di chuyển	LD-BP-79
210	Bio Vita-Electrolytes	Vitamin A; D_3; E; K_3; B_1; B_2; B_6; B_{12}; folic acid; Biotin; Niacinamide; $NaHCO_3$; KCl; NaCl; Mn	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	LD-BP-89
211	Bio Selevet-E	Vitamin E; selenite	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Bổ sung Vitamine E và Selenium	LD-BP-95
212	Bio-Vitasol	Vitamin A; D_3; E; K_3; B_1; B_2; B_3; B_6; B_{12}; C; folic acid; Biotin; Ca	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng chất	LD-BP-217
213	Bio-Calcivit	Ca; Zn; Vitamin A; D_3; E	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	LD-BP-257
214	Bio-Sorbitol B_{12}	Sorbitol; DL-Methionine; L-Lysine HCl; Vitamin B_{12}	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh hoặc ký sinh trùng	LD-BP-402
215	Bio-Bromhexine W.S.P	Bromhexine	Gói, hộp, bao, xô	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản khi viêm phế quản, viêm phổi ở gia súc	LD-BP-411

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
216	Bio-Difloxacin 5% Inj	Difloxacin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm âm đạo, viêm bàng quang, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm da trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-475
217	Bio-Difloxacin 10% Inj	Difloxacin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm âm đạo, viêm bàng quang, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	LD-BP-476
218	Bio-Difloxacin 5% Oral	Difloxacin	Chai	60; 150; 250; 500ml 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phù đầu, tụ huyết trùng, viêm phổi, bạch lỵ, CRD, sổ mũi, viêm túi khí, viêm màng hoạt dịch trên bê nghé, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-477
219	Bio-Difloxacin 10% Oral	Difloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phù đầu, tụ huyết trùng, viêm phổi, bạch lỵ, CRD, sổ mũi, viêm túi khí, viêm màng hoạt dịch trên bê nghé, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-478
220	Bio-Tylodox Plus	Tylosin tartrate, Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	LD-BP-479

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
221	Bio-Cefquin	Cefquinome sulphate	Lọ, ống	5ml; 10ml; 20ml; 50ml; 100ml; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm da, nhiễm trùng huyết do Ecoli, viêm vú cấp tính, MMA, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, lợn	LD-BP-481
222	Bio-Spiralin	Spiramycin adipate, Lincomycin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh sản, tiết niệu, khớp trên gia súc, gia cầm	LD-BP-482
223	Bio-Doxygen (W.S.P)	Doxycycline hyclate, Gentamycine sulfate	Gói, bao	10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-BP-483

39. Công ty TNHH một thành viên dược thú y Thuận Kiều

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	U-Cycline	Tetracyclin	Viên	0,250g	Phòng, trị nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X1-14
2	Vitemix	Oxytetracyclin, S. diazin, Vit A, D, E, K, C, B	Lon, gói	100, 200, 250, 500, 1000g	Cung cấp các loại sinh tố thiết yếu, phòng một bệnh thiếu Vitamin	HCM-X1-21
3	Polyvit	Vitamin A, D, E, B, K, C, Nicotinic acid	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Chống stress, thiếu Vitamin, tăng khả năng sinh sản	HCM-X1-22
4	Neox	Oxytetracyclin, Neomycin	Gói	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-23
5	Vetricin	Clopidol	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Phòng trị bệnh cầu trùng	HCM-X1-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Levamysole 10%	Levamysole	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Phòng trị bệnh ký sinh trùng	HCM-X1-34
7	ADE Plus	Vitamin A, D, E	Gói, lon	100, 200, 250, 500g, 1kg	Phòng chống thiếu vitamin A, D, E	HCM-X1-42
8	B.Complex	Vit B_1, B_2, B_6, Cyproheptadin Dexamethasone	Lọ	200, 500, 1000 viên	Phòng trị các chứng thiếu Vitamin	HCM-X1-43
9	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói	30, 50, 100, 500, 1000g	Tăng cường sức đề kháng, phòng chống stress	HCM-X1-45
10	Flumequine 10%	Flumequine	Gói, lon	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột	HCM-X1-48
11	Anti Gum	Sodium, Potassium, Vitamin B_1, B_2, PP, C, K	Gói, lon	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Ngăn ngừa các nguyên nhân gây stress, cung cấp điện giải	HCM-X1-49
12	Toi - thương hàn	Sulfadimidine	Lon	100g	Trị bệnh toi - thương hàn	HCM-X1-54
13	Colistin Soluble	Colistin sulfate, Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6	Gói, lon	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Phòng trị các bệnh do trực khuẩn G^- gây nên	HCM-X1-55
14	Cảm cúm	Ascorbic acid, Analgin	Lon	100g	Trị bệnh cảm cúm	HCM-X1-56
15	Amocoli	Amoxcillin, Colistin	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-59
16	Ampi-Colivet	Ampicillin, Colistin	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-60
17	Vitamin K	Vitamin K	Gói	100, 250, 500, 1000g	Trị chứng chảy máu, xuất huyết	HCM-X1-66
18	Amprovet	Amprolium, Vitamin K, Sulfaquinoxaline	Gói, lon	10, 20, 30, 50, 100 250, 500, 1000g	Phòng trị bệnh cầu trùng	HCM-X1-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
19	Analgin-Powder	Analgin	Gói	100; 250; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt, an thần, kháng viêm trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-80
20	C-Electrolyte	Vit C, Bicarbonate, Potassium, Sodium	Túi	20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Tăng cường sức đề kháng, cân bằng chất điện giải, phòng chống stress trên gia súc, gia cầm	HCM-X1-81
21	Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	1g	Phòng trị bệnh do vi khuẩn Gr(-)	HCM-X1-1
22	Penicillin G	Penicillin G potassium	Lọ	1.000.000UI	Phòng trị bệnh do vi khuẩn Gr(+)	HCM-X1-2
23	Enrovall Powder	Enrofloxacin	Gói	10, 20, 30, 50, 100, 500, 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp	HCM-X1-75
24	Ampivet-1000	Ampicilline sodium	Lọ	1g	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X1-88

40. Công ty cổ phần dược phẩm thú y A No Va

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tylovet	Tylosin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm ruột, bệnh lepto	HCM-X2-1
2	Levavet	Levamisol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc tẩy giun sán	HCM-X2-2
3	SG.Sone-D	Erythoromycin, Dexa Oxyteracyclin HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa…	HCM-X2-5
4	Bactrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm ruột, tiết niệu	HCM-X2-6
5	Norfloxillin 5%	Norfloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Vitamin E-Sel	Vitamin E, Sodium selenite	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10; 20; 50; 100; 120ml	Phòng trị bệnh về sinh sản do thiếu vit E và selenite, tăng khả năng đậu thai	HCM-X2-9
7	Gentyvet	Tylosin, Gentamycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường phổi, CRD, THT, viêm ruột, dạ dày, tiêu chảy	HCM-X2-11
8	Terravet	Oxytetraxycline HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, viêm phổi, xoang mũi, CRD	HCM-X2-13
9	Multivet	Các Vitamin nhóm B, Vitamin C và PP	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X2-14
10	Iron Dextran 10%	Sắt	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng thiếu máu do thiếu sắt ở heo con	HCM-X2-15
11	Fer B_{12} AP	Sắt, Vitamin B_{12}	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng chống thiếu máu do thiếu sắt ở heo	HCM-X2-16
12	CSP 250	Chlotetracycline, Penicillin	Gói	5, 20, 30, 50, 100, 500g, 1kg	Trị viêm ruột do salmonella, viêm đường hô hấp	HCM-X2-19
13	B Complex AP	Vitamin B_1, B_6, B_{12}	Lọ, chai	2ml, 5; 10; 20; 50; 100ml, 120ml, 120ml, 250ml, 500ml	Kích thích tạo máu thúc đẩy sự chuyển hóa năng lượng, chống còi cọc, suy nhược	HCM-X2-27
14	Enroject-B	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm rốn, CRD, tụ huyết trùng, nhiễm trùng tiêu hóa, viêm phổi	HCM-X2-28
15	Norxacin	Norfloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn,THT, viêm phổi	HCM-X2-29
16	Sagoflox 5000	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị CRD, viêm phổi, THT, tiêu chảy	HCM-X2-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
17	Amilyte	Sodium bicarbonate, S.chloride, Ca.gluconate	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Điều trị mất nước khi sốt, tiêu chảy, chống stress	HCM-X2-33
18	Dexaject AP	Dexamethasone	Lọ, chai	2,5; 10; 20; 50; 100ml	Chống dị ứng, viêm do nhiễm trùng	HCM-X2-39
19	Vitamin C 10% AP	Vitamin C	Gói	5; 20; 50; 100; 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X2-43
20	Paravil	Paracetamol, Vitamin C, Chlopheniramin	Viên	8g	Thuốc hạ sốt	HCM-X2-44
21	ADE-B-Complex-C	Vitamin A, D_3, E và các Vitamin nhóm B	Gói Bao	5, 20, 30, 50, 100, 500g, 1; 5kg, 10kg	Điều trị và phòng chống bệnh do thiếu hụt vitamin	HCM-X2-47
22	SG.Coli-Ampi	Colistin, Ampicillin, các Vitamin	Gói	5, 20, 30, 50, 100, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, E.coli, thương hàn, THT	HCM-X2-59
23	Neosol	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng máu, viêm da, viêm hô hấp, viêm ruột	HCM-X2-60
24	Bromhexin	Bromhexin HCl, Acid citric, $NaHCO_3$	Viên	8g	Thông khí quản	HCM-X2-64
25	Para+C	Paracetamol, Vitamin C	Ống, Lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Thuốc hạ sốt, giảm đau	HCM-X2-67
26	Saflum	Flumequine	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, thương hàn, THT, tiêu chảy	HCM-X2-69
27	Norxacin AP	Norfloxacin	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy do Colibacille	HCM-X2-70
28	B Complex-C	Các Vitamin nhóm B, C	Lọ, chai	2, 5, 10,20; 50, 100ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X2-71
29	Norxyl 200	Norfloxacin	Chai	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-73
30	Ampikana	Ampicillin, Kanamycin	Lọ	1g, 10g	Trị nhiễm trùng vết thương, tiêu chảy phân trắng, viêm phổi	HCM-X2-78

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
31	Neo-coli-D	Neomycin, Colistin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị CRD, viêm hô hấp cấp, tiêu chảy	HCM-X2-80
32	AD_3E-Oral	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml, 250ml, 500ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X2-81
33	Eucalyptyl	Eucalyptol, Camphor, Phenol	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20,50, 100ml	Thuốc ho	HCM-X2-83
34	Ampicin	Ampicillin	Lọ	1g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột	HCM-X2-85
35	Peni-G	Penicillin sodium	Lọ	1.000.000 UI	Trị viêm hô hấp, đóng dấu son, THT, viêm khớp, đường sinh dục	HCM-X2-86
36	Ampisan-D	Ampicillin, Analgine, Dexamethasone	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ nhiệt nhanh, giảm đau; trị nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X2-87
37	Ampidexacol AP	Ampicillin, Colistin, Dexamethasone	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường sinh dục, tiêu hóa, THT,...	HCM-X2-91
38	Tetracolivit	Oxytetra, Colistin, các Vitamin A, D, E, B, PP...	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Trị CRD, tiêu chảy, viêm ruột do E.coli	HCM-X2-92
39	Linco-sal	Lincomycin, Bromhexin, Analgin, Spectinomycin	Ống, lọ, chai, can	2ml, 5ml, 10ml, 10ml, 20ml, 50ml, 100ml; 20l	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm phổi, CRD, viêm ruột	HCM-X2-93
40	Samox	Amoxillin	Lọ	1g	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, THT	HCM-X2-96
41	Lincocin 10%	Lincomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm khớp	HCM-X2-105
42	Sapectyl	Spectinomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	HCM-X2-107

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
43	Tiamulin 10% AP	Tiamutin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hô hấp, E.coli, kiết lỵ	HCM-X2-108
44	Analgine+C	Analgin, Vitamin C, B_2	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg, 1kg, 5kg, 10kg	Thuốc giảm đau	HCM-X2-112
45	Analgine+C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Thuốc giảm đau	HCM-X2-119
46	Anti-Gumbo	Sodium citrate, Phenyl Butazone, Vit B_1, B_6, C, K, PP, Paracetamol, Met	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg, 100g, 1kg 5kg, 10kg	Ngăn ngừa bệnh Gumboro ở gia cầm, hạ nhiệt, giảm đau	HCM-X2-120
47	E.F.L	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1; 5l	Trị viêm khí quản, CRD, tiêu chảy do E.coli	HCM-X2-121
48	Enro 5.5	Enrofloxacin, Cab-o-sil	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg; 5kg, 10kg	Trị CRD, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.coli	HCM-X2-123
49	Polyvital	Vitamin A, B_1, B_2, B_5, B_6, D_3, E, Tween 80	Chai	100; 250; 500ml, 1 lít	Bổ sung vitamin	HCM-X2-124
50	Streptopen	Penicillin potassium, Streptomycin sulfate	Lọ	1.000.000UI peni + 1.000mg strep	Trị bệnh THT, nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột, tiêu chảy	HCM-X2-125
51	Super Egg AP	Oxytetracycline, NaCl Vitamin A, B_2, B_5, B_6, D_3, E, K, H, PP, KCl	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg; 5kg, 10kg	Kháng sinh tăng sức đề kháng, tăng sản lượng trứng	HCM-X2-126
52	Vitamin K	Vitamin K	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100,120ml	Làm đông máu, điều trị chảy máu do thiếu vitamin K và C	HCM-X2-127
53	Vitavet AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin cần thiết, sức đề kháng, chống suy nhược cơ thể	HCM-X2-128

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
54	SG.Peni. 4T	Penicillin G Sodium, Penicillin G Procain	Lọ	1g; 4g	Trị viêm khớp, viêm móng, đóng dấu son, tụ huyết trùng	HCM-X2-130
55	S.G Glucose 5%	Dextrose	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Giải độc, cung cấp năng lượng khi thú bệnh, suy nhược	HCM-X2-132
56	Cephacol	Cephalexin, Analgin, Colistin, Vit C, B_1, B_2, B_6	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1; 5, 10kg	Trị hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-135
57	S.G Strep	Streptomycin	Lọ	1g	Trị viêm nhiễm hô hấp, tụ huyết trùng, tiêu chảy phân trắng	HCM-X2-136
58	S.G Levasol	Levamisol HCl	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg; 5, 10kg	Tẩy giun sán	HCM-X2-143
59	S.G Vitamin C 2000	Vitamin C	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Tăng sức đề kháng, giảm stress, kích thích thú ăn nhiều	HCM-X2-144
60	S.G Calcivit AD_3E	Vitamin A, D_3, E, PP, Oxytetracycline HCl, Ca	Gói, hộp, bao	5; 20; 0; 50; 100; 500g, 1kg; 5kg, 10kg	Bổ sung vitamin và khoáng cho cơ thể	HCM-X2-147
61	S.G Atropin	Atropin sulfate	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 15; 20, 50, 100; 120ml	Giải độc tố, chống co thắt tử cung	HCM-X2-148
62	S.G Vitamin $B_1 + B_6 + B_2$	Vitamin B_1, B_2, B_6, C, PP	Ống, lọ, chai	2,5, 10ml, 20, 50, 100; 250; 500ml	Cung cấp vitamin nhóm B	HCM-X2-150
63	Ampicoli AP	Ampicillin, Colistin, Analgin, Vitamin B_2, Bromhexin, Cab-o-sil	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg 100g, 1kg; 5kg, 10kg	Trị hô hấp, CRD, tiêu chảy do E.coli và salmonella	HCM-X2-152
64	Ivertin 0,25% AP	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Chống nội và ngoại KST	HCM-X2-156

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
65	S.G Analgine 30%	Analgin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Thuốc giảm đau	HCM-X2-157
66	S.G Colistin - D	Colistin, Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa	HCM-X2-158
67	SG. Bromhexin	Bromhexin hydrochloride	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Thông khí quản	HCM-X2-159
68	ADE B.Complex AP	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_6, PP	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung các vitamin thiết yếu cho cơ thể	HCM-X2-161
69	Biotin Plus AP	Vitamin A, D_3, E, B_2, Biotin, Paracetamol	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1,5kg, 10kg	Tăng đề kháng, ngừa các bệnh về da, lông, móng	HCM-X2-162
70	ADE Solution	Vitamin A, D_3, E	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg; 5kg, 10kg	Cung cấp vitamin cần thiết, kích thích tăng trọng, ngừa stress, tăng đề kháng	HCM-X2-163
71	Calci-B Complex-B_{12}	Các Vitamin nhóm B, Calcium Gluconate	Lọ, chai	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị chứng thiếu calcium, vitamin ở gia súc	HCM-X2-72
72	Electrolyte-C	Sodium Bicarbonate, Vitamin C	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Phục hồi chất điện giải trong thời gian thú bị stress, sốt cao, tiêu chảy	HCM-X2-95
73	Vitamin C plus AP	Vitamin C, Sodium chloride, Ca. gluconate	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Vitamin tăng cường sức đề kháng, chống stress	HCM-X2-110
74	Tylosin 200	Tylosin tartrate, Dexamethasone acetate	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung, bệnh lepto, viêm ruột ở trâu, bò, bê, dê, heo	HCM-X2-164
75	Talusal	[1- (butylamino)-1-methylethyl]-phosphoric acid, Cyanocobalamin	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa do rối loạn trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển ở gia súc non	HCM-X2-165

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
76	Vitamin K	Vitamin K	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh chảy máu do thiếu Vit K, phòng chảy máu sau khi đẻ	HCM-X2-167
77	Para- C	Paracetamol, Vitamin C	Viên	8g	Giảm đau, hạ nhiệt, kích thích thèm ăn, tăng đề kháng trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X2-169
78	Vagidin	Chlortetracycline HCl, Polyvinyl pyrrolidon iodine	Viên	7g	Trị viêm tử cung, âm đạo do vi khuẩn Gr(-), Gr(+), nấm và nguyên sinh động vật gây ra ở trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-170
79	Calcium-B_{12}	Calcium gluconate, Vitamin B_{12}, B_1	Ống, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu canxi, thiếu máu, chứng bại liệt ở gia súc, gia cầm	HCM-X2-171
80	Analgine + C	Analgin, Vitamin C	Viên	8g	Giúp giảm đau nhanh, hạ nhiệt, tăng cường sức đề kháng trong thời gian thú bệnh	HCM-X2-172
81	Ana-Dexa	Analgin, dexamethasone sodium phosphate	Ống, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Giúp giảm đau nhanh, hạ sốt và chống viêm	HCM-X2-173
82	SG Calci-C	Calci lactate, Vitamin C	Viên	8g	Trị các chứng do thiếu canxi xương, còi xương, chậm lớn	HCM-X2-175
83	LincoSpec AP	Spectinomycin, Lincomycin	Ống, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT trên trâu, bò, dê, cừu. Viêm ruột, viêm tử cung trên chó, mèo. Thương hàn, CRD trên gà, vịt	HCM-X2-176
84	Anti- Gate	Norfloxacin HCl, Dexamethasone sodium phosphate	Viên	7g	Trị viêm tử cung sau khi sinh, viêm âm đạo, nhiễm trùng tử cung do can thiệp lúc sinh trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-177

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
85	SG. Necovit	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 30; 50g; 100; 200, 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do E.coli, Salmonella cho lợn, gà, vịt	HCM-X2-178
86	SG Coligen	Gentamycin sulfate, Doxycycline HCl	Lọ, chai	700mg; 7g	Trị CRD, THT cho lợn, gà, vịt, bê, nghé, dê, cừu. Trị viêm vú, tử cung cho lợn	HCM-X2-180
87	Stero-Plus	Tylosin, Streptomycin	Lọ, chai	1,2; 6; 12; 30g	Trị bệnh CRD, THT cho lợn, gà, vịt. Trị sưng phù đầu do E.coli cho lợn	HCM-X2-181
88	Amoxycol A&B	Colistin sulfate, Amoxicllin trihydrate	Gói	5; 20; 30; 50; 100g; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột cho lợn, bê, nghé, dê, cừu con, gà, vịt	HCM-X2-183
89	Tylo-S AP	Tylosin Spectinomycin	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị suyễn lợn, viêm phổi do Mycoplasma, đóng dấu lợn	HCM-X2-188
90	Nortasol	Norfloxacin HCl Paracetamol	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg 100g; 1kg; 5; 10kg	Gà, vịt: Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, THT, CRD. Lợn: viêm ruột, thương hàn, THT	HCM-X2-189
91	Anti C.R.D	Enrofloxacin HCl	Gói Hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg 100g; 1kg; 5; 10kg	Gà, vịt, chim cút, lợn: Đặc trị CRD, viêm phổi do Mycoplasma, viêm khớp	HCM-X2-190
92	Amkasol	Ampicillin trihydrat Kanamycin sulfate	Gói Hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g 1kg 100g; 1kg; 5; 10kg	Gà, vịt, lợn: trị nhiễm trùng do vi khuẩn gây ra	HCM-X2-191
93	Coligen	Gentamycin sulfate Colistin sulfate	Ống Lọ/chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do E.coli, Salmonella, THT trên lợn. Trị THT, viêm phổi trên trâu, bò, dê, cừu	HCM-X2-193

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
94	Tylo-PC AP	Tylosin tartrate Thiamphenicol	Ống Lọ/chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trâu, bò, dê, cừu: trị viêm phổi, ruột; thương hàn. Lợn: viêm phổi, đóng dấu, thương hàn. Gia cầm: trị CRD, CCRD	HCM-X2-194
95	Tylogen AP	Tylosin tartrate Gentamycin sulfate	Ống Lọ, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị THT cho trâu, bò, dê, cừu, lợn. Viêm phổi, tử cung cho chó, mèo. CRD, CCRD, THT, Salmonellosis cho gà, vịt	HCM-X2-195
96	CFG	Gentamycin sulfate Colistin sulfate	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Đặc trị tiêu chảy do E.coli hay Salmonella cho bê, nghé, lợn con, dê, cừu	HCM-X2-196
97	SG Enro-Colistin	Doxycycline HCl Colistin sulfate	Ống Lọ/chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trâu, bò, dê, cừu, lợn: trị viêm phổi, thương hàn, THT. Trên gà vịt: trị CRD, CCRD, thương hàn, THT	HCM-X2-197
98	Gentamox	Gentamycin sulfate, Amoxicillin trihydrate, Analgin	Lọ, chai	1,56; 15,6; 39g	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, đau móng, trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gà, vịt	HCM-X2-199
99	Enrocol	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate, Bromhexin	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm khớp trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-35
100	Flucogen	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-36
101	Neo-Colixyl	Oxytetracycline HCl, Colistin sulfate, Bromhexin HCl, Paracetamol	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm ruột - tiêu chảy, tụ huyết trùng trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
102	E.Coli.Kana	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, nhiễm trùng đường tiểu trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-48
103	Peni-Strep	Streptomycin sulfate, Penicillin G procain	Chai	9,6; 24; 48g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột, tử cung, khớp, nhiễm trùng vết thương	HCM-X2-49
104	Tetramulin	Tiamulin, Paracetamol Chlortetracycline	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, THT, TH, viêm khớp trên bê, nghé, heo, gà, vịt	HCM-X2-38
105	Genta-Septryl	Gentamycin sulfate, Sulfadimidine sodium	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, thương hàn, tụ huyết trùng trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-52
106	Amsepcin	Ampicillin, Sulfamethoxazole	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy, viêm khớp, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-54
107	SG.Spectyl	Tylosin tartrate, Analgin, Bromhenxin Spectinomycin, Vit A, D_3, E, B_1, B_6, C	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm ruột - tiêu chảy, viêm khớp, viêm phổi trên heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-55
108	T.S.C-Vita	Colistin sulfate, Tylosin tartrate, Bromhenxin, Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, C, PP	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, tụ huyết trùng trên heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-84
109	Ampi-Sep	Ampicillin sodium, Sulfamethoxazol, Paracetamol	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm ruột, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-90

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
110	Spira S.B.C	Spiramycin adipat, Colistin sulfate, Paracetamol	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi trên heo, gà, vịt	HCM-X2-94
111	Coccidyl	Sulfadimidine base, Diaveridine, Vit A, K_3, PP	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh cầu trùng trên bê, nghé, heo, gà, vịt, thỏ	HCM-X2-113
112	Floxy	Florfenicol, Lidocain Doxycyclin, Prednilone,	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 60; 120; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà, vịt	HCM-X2-200
113	Penicain	Penicillin G procain	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, THT, viêm tử cung, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X2-201
114	SG.Flordoxy	Florfenicol, Bromhexin Doxycyclin, Vit A, C	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột - tiêu chảy, viêm khớp trên gà, vịt, cút, heo	HCM-X2-202
115	Sone AP	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Bromhexin, Lidocain Prednisolone,	Ống, chai, lọ, can	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 20l	Trị THT, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, viêm khớp, viêm niệu đạo trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-203
116	Florfen-B	Florfenicol, Oxytetracycline	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-204
117	Kamox	Amoxicillin trihydrate, Kanamycin sulfate	Chai, lọ	1,2; 12; 30g	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, đau móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X2-205

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
118	SG.Spira-S	Steptomycin sulfate, Spiramycin adipaste	Chai, lọ	1,3; 13; 32,5g	Trị viêm đường hô hấp, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-206
119	Tasahe	Fenbendazole	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị giun ở dạ dày ruột trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-207
120	Norxacin	Norfloxacin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị CRD, E.coli, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm khớp trên heo con, gà, vịt	HCM-X2-209
121	SG.Linpec	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl, Bromhexine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp trên heo, gia cầm	HCM-X2-210
122	Flortyl F.T.P	Florfenicol, Tylosin tartrate, Prednisolone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-211
123	Marbocin AP	Marbofloxacin, Prednisolone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-212
124	SG.Bromhexin-C Plus	Bromhexin HCl, Acid ascorbic, A. citric	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Long đờm, trị viêm khí quản, phế quản, trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà	HCM-X2-213
125	Tylo-D.C	Tylosin tartrate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, chai,	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, sưng phù đầu, THT, viêm phổi cấp tính, đau móng, viêm khớp, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X2-214

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
126	Neo-Pec	Neomycin sulfate, Pectin	Chai	50; 100; 250; 500ml	Trị tiêu chảy trên heo, bê, nghé, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-215
127	Anti E.Coli AP	Colistin sulfate, Neomycin sulfate,	Chai	50; 100; 250; 500ml	Trị tiêu chảy phân xanh, phân trắng trên bê, nghé, heo, chó, mèo, dê, cừu	HCM-X2-216
128	SG.Oxytetra LA	Oxytetracycline	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột - tiêu chảy, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-217
129	Genta 10% AP	Gentamycin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-218
130	Analgine 250	Analgin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt, tăng hiệu quả điều trị các bệnh nhiễm trùng	HCM-X2-219
131	Dexavet	Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống dị ứng, chống viêm	HCM-X2-220
132	Levamisol-S	Levamisol HCL	Viên	8g	Tẩy giun trên gia súc, gia cầm	HCM-X2-223
133	D.O.C AP	Thiamphenicol, Oxytetracyclin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm phổi, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, viêm khớp, trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-224
134	Uropin	Urotropin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Sát trùng đường tiết niệu cho gia súc	HCM-X2-225
135	Alistin	Amoxycillin, Colistin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm tử cung, THT, đau móng, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-226

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
136	Amoxi LA AP	Amoxycillin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-227
137	Gentamox AP	Amoxycillin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, THT, viêm ruột - tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, viêm móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-228
138	Streptopen AP	Penicilline G procain, Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-231
139	Specticol	Colistin sulfate, Spectinomycine base	Ống, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột trên heo con	HCM-X2-235
140	Kitasul	Kitasamycin, Sulfadimidine	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, bê, nghé, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-237
141	Nepacin C.D	Neomycin, Sweet cumin Oxytetracyclin, Dexa	Tuýp	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị ghẻ, xà mâu, các vết sưng tấy gây mủ, trầy xước, vết thương do nhiễm trùng da	HCM-X2-238
142	SG.Lidocain	Lidocain	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Gây tê trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X2-239

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
143	Diflox 10%	Difloxacin, Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_6	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, TH, THT, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp trên bê, nghé, heo, dê, cừu, gà, vịt, cút	HCM-X2-240
144	SG.Prazile	Praziquantel, Levamisol	Ống, chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị giun và các loại sán trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-241
145	Florfenicol LA	Florfenicol	Ống, chai, lọ, can	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 20l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, TH, THT, viêm ruột tiêu chảy, viêm da, viêm khớp, viêm móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-242
146	SG.Danocin	Danofloxacin	Ống, chai	10; 20; 30; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm ruột tiêu chảy trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-246
147	Doxtyl-200WS	Doxycycline hyclate, Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500; 750g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột dạ dày do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline	HCM-X2-247
148	Septryl 24% AP	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ, ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột dạ dày, hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxazole, Trimethoprim gây ra	HCM-X2-249
149	SG.Toltracoc 2,5%	Toltrazuril	Ống, chai, can	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 20l	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X2-250
150	SG.Toltracoc 5%	Toltrazuril	Ống, chai, can	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 20l	Phòng và trị cầu trùng trên lợn con	HCM-X2-251
151	Ceptifur AP	Ceftiofur	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X2-253

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
152	Fer Gen-Tylo AP	Gentamycin; Tylosin; Ion dextran	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi trên heo	HCM-X2-254
153	SG.Cept	Ceftiofur sodium	Chai	1g, 5g, 10g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm phổi cấp tính, thương hàn, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-255
154	SG.Vetemuc-C	Acetylcystein, Vitamin C	Gói, hộp, bao	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt	HCM-X2-258
155	SG.Vetemuc-Inj	Acetylcystein	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt	HCM-X2-256
156	SG.Vetemuc-Oral	Acetylcystein, Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt, bệnh ghép giữa CRD với E.Coli. Tăng sức đề kháng, kích thích gia cầm ăn nhiều	HCM-X2-257
157	SG.Anazine-C	Analgin, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt, chống mất nước và chất điện giải trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-259
158	Ampi+Ery AP	Ampicilline, Erythromycin	Gói, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm khí quản, THT, PTH trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-260
159	Enrotryl AP	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X2-261

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
160	Tosal AP	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	HCM-X2-262
161	Flordox AP	Florfenicol, Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X2-263
162	SG.Dano 166	Danofloxacin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên gia cầm	HCM-X2-264
163	Septotrim	Sulfamerazine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục	HCM-X2-3
164	Tylotrim	Tylosin, Trimethoprime	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, CRD	HCM-X2-10
165	Kanesone	Kanamycin, Neomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-30
166	Sagoflox 500	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml	Trị CRD, viêm phổi, THT, tiêu chảy	HCM-X2-32
167	Flume 20% Oral	Flumequine	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy do E.coli, thương hàn, PTH, xuất huyết, sảy thai	HCM-X2-40
168	O.P.C.	Erythromycin, Prednisolone, Oxytetracyclin HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, tụ huyết trùng, toi, viêm nhiễm đường ruột	HCM-X2-61
169	Tylan-spectin	Tylosin, Spectinomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiết niệu	HCM-X2-63
170	Colistin	Colistin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	HCM-X2-97
171	Kanacin 100	Kanamycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm nhiễm khác	HCM-X2-104
172	Vita C AP	Vitamin C	Lọ, chai	2ml, 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng đề kháng, ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau điều trị	HCM-X2-109

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
173	S.G Biflox 20%	Enrofloxacin HCl, Bromhexine	Chai	100ml, 200ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli và salmonella	HCM-X2-134
174	Cefa - Dexa	Cefalexin, Dexamethazone	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 15, 20ml 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiết niệu, tụ huyết trùng	HCM-X2-137
175	O.D.C	Erythromycin, Dexa Oxytetracyclin HCl	Ống lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, nhiễm trùng vết thương…	HCM-X2-139
176	Coccisol	Diaveridine HCl, Sulfadimidine, Analgin, Vit K_3, A, PP	Lọ, chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Thuốc trị cầu trùng	HCM-X2-141
177	S.G Cephacol-D	Cephalexin, Colistin sulfate, Dexa sodium	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 15ml 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiêu chảy do E.coli, tụ huyết trùng	HCM-X2-145
178	Ivertin 1% AP	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Chống nội và ngoại KST	HCM-X2-155
179	Sulfatrim-D	Sulfamethazine, Trimethoprim	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi, phế quản, thương hàn, bạch lỵ gia cầm, tụ huyết trùng ở trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X2-168
180	Genten-Plus	Gentamycin sulfate, Amoxicilin trihydrate	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 15; 20; 50; 100; 250; 5000ml	Trị viêm phổi do Mycoplasma (CRD), THT, viêm ruột tiêu chảy do E.coli cho lợn, bê, nghé, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X2-179
181	O.S.C Dex	Erythromycin base Colistin sulfate, Dexa	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị CRD, THT, phó thương hàn, E.coli cho trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X2-184
182	Tobra AP	Tobramycin sulfate Colistin sulfate Dexamethasone	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do Mycoplasma, E.coli, ỉa chảy do Clostridium; THT, PTH cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, viêm phổi, ruột cho chó, mèo	HCM-X2-185

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
183	Coliof	Colistin sulfate Spectinomycin	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, tiêu chảy	HCM-X2-187
184	Tiacotin	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X2-198
185	Flume 7,5%	Flumequine	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-221
186	Difloxin	Difloxacin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp, trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-229
187	Florcine	Florfenicol, Dexamethasone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, THT, viêm ruột - tiêu chảy, viêm da, viêm kết mạc trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-230
188	SG.Hepatol	NaCl, KCl, $CaCl_2$, $MgCL_2$, Sorbitol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Cung cấp các chất điện giải cho thú	HCM-X2-233
189	Cosultrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-236
190	Fluquine	Flumequine, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-243

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
191	Bactrim LA	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X2-244
192	SG.Doxy LA	Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo. Nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên chó, mèo	HCM-X2-245
193	SG.Enro LA	Enrofloxacin Base	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	HCM-X2-248
194	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Hòa tan thuốc bột để tiêm	HCM-X2-252
195	Doxy	Doxycycline hyclate	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X2-265
196	Flumequine	Flumequine	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X2-266
197	Oxytetra	Oxytetracycline	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu bò, lợn, gia cầm	HCM-X2-267
198	Tylosin	Tylosin tartrate	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	HCM-X2-268
199	Amox	Amoxicillin trihydratre	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên heo, gia cầm	HCM-X2-269
200	Tulavet AP	Tulathromycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh viêm phổi cấp tính ở trâu, bò, heo	HCM-X2-270

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
201	Kitavet AP	Kitasamycin	Hộp	1; 5; 10kg	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm trên heo; trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	HCM-X2-271
202	Tycovet WSP AP	Tilmicosin	Túi, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	HCM-X2-272
203	Tycovet 250 AP	Tilmicosin	Chai, can	10; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5l	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X2-273
204	Tylodox AP	Doxycycline, Tylosin	Gói, bao, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500; 750g; 1; 5; 10kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X2-274
205	Cebactan AP	Cefquinome	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA), nhiễm trùng máu, viêm da, thối móng trên bò, heo	HCM-X2-275
206	Amox 500 AP	Amoxicillin	Gói, bao, thùng	100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm, heo	HCM-X2-276
207	Apracol AP	Apramycin	Bao, hộp	5, 10, 20, 30, 50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Trị viêm ruột tiêu chảy trên gia cầm, heo; bệnh sưng phù đầu trên heo con	HCM-X2-277
208	Colamox AP	Amoxicillin, Colistin	Bao, hộp	5, 10, 20, 30, 50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X2-278

41. Công ty TNHH Minh Huy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Strepto-Terramycin	Oxytetracycline HCl, Streptomycine sulfat	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200g; 0,5 - 1kg	Trị THT, thương hàn, viêm phổi	HCM-X4-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Tetramisol 10%	Levamisol HCl	Gói	2, 5g	Trị giun đũa, giun tròn	HCM-X4-23
3	Sultetra Coli C	Sulfamethaxazol, Oxytetracyclin, Vit C	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị E.coli các bệnh đường tiêu hóa, đường hô hấp, sinh dục	HCM-X4-24
4	Terramycin Egg Formula	Oxytetracyclin, Vitamin A, C, D, E, B_1, B_2, Ca	Gói Lọ	5, 10, 20, 50, 100g; 0,5 - 1kg; 100g	Nâng cao năng suất trứng, phòng các bệnh ở gia cầm	HCM-X4-25
5	Terratiamulin (Trị CRD)	Oxytetracyclin HCl, Tiamulin	Gói, lon	5, 10, 20g; 100, 500; 200, 1kg	Phòng và trị CRD, E.coli, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy	HCM-X4-28
6	NeoTetrasol	Neomycin, Vitamin C, Oxytetracyclin HCl	Gói	5, 100g; 0,5 - 1kg	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, viêm phổi, tiêu chảy, viêm dạ dày	HCM-X4-29
7	Terramycin 500	Oxytetracyclin HCl, Vitamin A, D, E	Gói	5, 10, 20, 30, 50, 200, 500g, 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp CRD, đường ruột,…	HCM-X4-30
8	Vitamin C	Vitamin C	Ống, chai, gói, lon	5, 20, 50, 100ml 100g, 1kg	Phòng và trị thiếu vitamin C	HCM-X4-42
9	B Complex	Vitamin A, D, E, B_2, B_6, PP, C	Gói Lọ, chai	100g; 0,5 - 1kg 100g	Phòng chống gầy còm cho gia súc, gia cầm non chậm lớn	HCM-X4-47
10	Polyvitamin	Vitamin A, D, E, B_2, B_6, PP, C	Viên, gói, lon	0,5g	Tăng sức đề kháng, sinh sản, phòng trị còi xương, bệnh về gan, viêm da	HCM-X4-48
11	ADE vit (ADE vit B Complex)	Vitamin A, D, E, B_2, B_6, PP, C	Gói	10, 100g; 0,2g, 0,5kg, 1kg	Bổ sung vitamin	HCM-X4-49
12	ADE Methionin	Vitamin A, D, E, Methionin Oxytetracycline HCl	Gói	100g; 0,5 - 1kg	Bổ sung vitamin, khoáng vi lượng, tăng sức đề kháng	HCM-X4-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
13	Amino Complex	Vitamin A, D, E, Methionin Oxytetracycline HCl	Gói	100g, 0,5kg, 1kg	Bổ sung axit amin, phòng và trị còi cọc, suy nhược kém ăn	HCM-X4-69
14	Polyvitamin (Antigumboro)	Vitamin B_1, B_2, A, D, K_3, B_{12}, Ca, Acid amin	Gói	10, 20, 100g; 1kg, 10kg	Phòng và trị còi xương, kích thích tăng trưởng, tăng sức đề kháng	HCM-X4-70
15	Calci ADE Vit	Vitamin A, D, E, Ca	Gói	5, 10, 50, 100, 220g; 0,5 - 1kg	Phòng và trị còi xương, chậm lớn, đẻ non, bại liệt	HCM-X4-71
16	Coliterra (Trị thương hàn - úm gà, vịt con)	Oxytetracyclin HCl, Colistin, Vitamin A, D, E	Gói, lon	5, 10, 20, 100g, 1kg	Trị các bệnh thương hàn do E.coli, THT, viêm khớp, viêm xoang	HCM X4-78
17	Anticoc	Sulfamethoxazol, Diaveridine	Gói	3, 5, 10, 20, 50, 100, 200g	Phòng và trị bệnh cầu trùng ở gia súc, gia cầm	HCM-X4-79
18	Cảm cúm gia súc, gia cầm	Analgin, Vitamin C, Oxytetracyclin	Gói, lọ, lon	5; 10; 100g	Giúp hạ nhiệt, giảm đau, tăng sức đề kháng, trị tiêu chảy viêm ruột	HCM X4-82
19	Vermisol	Niclosamide, Levamisol	Viên	0,8; 1,6; 3,2; 8g	Xổ giun đũa, giun kim, giun tròn	HCM-X4-87
20	Chlortetracycline WS	Chlotetracyclin HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-99
21	Doxy 20% WS	Doxycycline HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-100
22	Doxycoli WS	Doxycycline HCl Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-101

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
23	Doxy Neo WS	Doxycycline HCl Neomycin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-102
24	Genta Doxy WS	Doxycycline HCl Gentamycin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X4-103
25	Lincomycin 10% WS	Lincomycin HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Linco-mycin trên heo, gia cầm	HCM-X4-104
26	Florfenicol WS	Florfenicol	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X4-105
27	Neomycin WS	Neomycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, viêm ruột trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X4-106
28	Vermisole	Niclosamide, Levamisole	Viên	3.2g; 8g	Trị giun, sán trên chó, mèo	HCM-X4-107
29	Penicillin	Penicillin potasium	Lọ, chai	1; 10 triệu UI, 50 triệu UI	Trị nhiễm khuẩn Gr (+) như viêm nhiễm đường hô hấp, sinh dục	HCM-X4-1
30	Streptomycin	Streptomycin sulfat	Lọ, chai	1, 10, 50g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr (-) như viêm nhiễm đường hô hấp	HCM-X4-2
31	Combiocin	Penicillin potasium, Streptomycin	Lọ	1000000 UI Peni + 1g strep	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr (+) và Gr (-)	HCM-X4-3
32	Ampicilline	Ampicillin sodium	Gói Lọ	5, 10g 1, 10g	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và viêm khớp	HCM-X4-18
33	Neospray	Neomycin sulfat	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng ngoài da, sát trùng vết thương	HCM-X4-98

42. Cơ sở sản xuất dược thú y Khoa Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Teracolin	Oxytetracyclin, Colistin	Gói	5, 10, 30, 100, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy, ghẻ lở…	HCM-X5-35
2	Enroflox	Enrofloxacin	Gói	5, 10, 30, 100, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy	HCM-X5-36
3	Ampicolin	Ampicylin, Colistin	Gói	5, 10, 30, 100, 500g, 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng	HCM-X5-37
4	Vitamin C	Vitamin C	Gói, lon	10, 50, 100, 500, 1kg	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X5-38
5	Apracin	Apramycin	Gói	5, 10, 30, 100g	Trị tiêu chảy do E.coli	HCM-X5-40
6	ADE-Bcomplex C	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, A, D, E, C, PP	Gói, lon	10, 50, 100, 500g, 1kg	Bồi dưỡng, kích thích tăng trưởng	HCM-X5-41
7	Spiracolin	Spiramycin, Colistin	Gói	5, 10, 30, 100g	Trị viêm đường hô hấp	HCM-X5-42
8	Electrolyte-VIT	Vitamin A, D, E, B_1, B_6, C, B_{12}, và các chất điện giải	Gói	10, 30, 50, 100, 500g	Bồi dưỡng và bổ sung các chất điện giải	HCM-X5-43
9	Norxacin	Norfloxacin	Gói	5, 10, 50, 100, 500g	Trị tiêu chảy	HCM-X5-46
10	Imectin	Ivermectin	Gói	5; 10; 50; 100; 500; 1000g	Phòng và trị các bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở gia súc, gia cầm	HCM-X5-49
11	Fluquin 10	Flumequin, Vit C, Vit K_3	Túi	10; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin gây ra	HCM-X5-50
12	Enrolin	Enrofloxacin	Túi	5; 10; 30; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, tiêu chảy, phân trắng	HCM-X5-26
13	Aplucin 2000	Apramycin sulfate	Túi	5; 10; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên trâu, bò, dê, cừu, heo, thỏ, gia cầm	HCM-X5-34

43. Công ty TNHH sản xuất thương mại 533

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tetramisol	Levamisol	Gói	2g	Kháng ký sinh trùng	HCM-X7-4
2	ADE.B Complex C	Vitamin A; D_3; E, B_1; B_6; B_2; PP; C	Gói Hộp	8; 10; 50; 100g 500; 1000g	Bổ sung Vitamin	HCM-X7-5
3	Toi & Thương hàn	Enrofloxacin	Gói Hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 500; 1000g	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella; bệnh đường ruột do E.coli ở bê; bệnh do Mycoplasma và E.coli gây ra ở gia cầm	HCM-X7-13
4	Cảm cúm	Analgin, Paracetamol Ampicillin, Vitamin B_1	Gói Hộp	5; 10; 50g 100; 1000g	Giảm đau, hạ sốt; cảm úm	HCM-X7-14
5	Trị tiêu chảy	Neomycine, S.guanidin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100g, 500; 1000g	Trị viêm ruột tiêu chảy, lỵ, E.coli, trên trâu, bò, lợn và gia cầm	HCM-X7-15
6	Calcium ade Vit	Vitamin A, D_3, E, calcium	Gói, hộp	200,100; 500g; 1kg	Vitamin A, calcium	HCM-X7-20
7	Ampicoli	Ampicillin; Colistin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin; Colistin	HCM-X7-39
8	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói, hộp	50; 100; 500, 1000g	Trị suy nhược cơ thể, sốt, chảy máu cam, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X7-43

44. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Sài Gòn (Sonavet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Đặc trị toi - thương hàn	Oxytetracycline Vitamin B_2	Túi, gói, hộp	5g, 100g	Trị các bệnh hô hấp mãn tính, viêm đường ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, cầu trùng	HCM X9-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Tetramycin 500	Oxytetracycline, Vitamin A, D_3, E	Túi, gói, hộp	5g, 100g	Trị và ngừa bệnh hô hấp mãn tính CRD viêm ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, cầu trùng	HCM X9-18
3	Tetra ADE	Oxytetracycline, Vitamin A, D, E	Túi, gói, hộp	5, 10, 20, 100g	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa cho heo, gà, vịt	HCM X9-26
4	Streptotetrasulfa	Oxytetracycline, Vitamin B_2	Túi, gói, hộp	5, 100g	Trị bệnh hô hấp mãn tính, viêm đường ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, cầu trùng ở gia súc, gia cầm	HCM X9-39
5	ADE BcomplexC	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, C, B_{12}, B_5, Niacin, Acid Folic, Chloline, Methi	Túi, gói, hộp Lon	5, 50, 100, 500g 1kg	Bổ sung nguồn vitamin A, D, E, C và vitamin nhóm B, ngăn ngừa và điều trị bệnh Gumboro tốt, giúp gà tăng trưởng nhanh	HCM X9-45
6	Ampicolistin fort	Ampicillin, Colistin sulfate, Vitamin C	Túi, gói, hộp	3, 5, 20, 50, 100g	Trị và phòng các bệnh đường tiêu hóa, thương hàn, cầu trùng ỉa phân trắng	HCM X9-46
7	Ampilidon C	Ampicillin, Vit C, B_1, Oxytetracycline	Túi, gói, hộp	5, 20, 50, 100g	Trị và phòng các bệnh đường hô hấp	HCM X9-47
8	Vitamin AD_3EC	Vitamin A, D_3, E, C	Túi, gói	5, 20, 50, 100, 500g	Bổ sung vitamin	HCM X9-50
9	Levamisol	Levamisol HCl	Túi, gói, hộp	2, 4, 20, 50, 100g	Chuyên tẩy các loại giun sán đường phổi và ruột của heo, bò	HCM X9-53
10	Cotrim Fort	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Túi, gói, hộp	5, 20, 50, 100g	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM X9-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Ampisultrim.F	Ampicillin, Colistin, Vit B_1, B_6, B_2, PP	Túi, gói, hộp	5, 20, 50, 100g	Trị nhiễm trùng, THT, phân trắng, hồng lỵ, thương hàn, viêm phổi, dạ dày, ruột	HCM X9-76
12	Calcium ADE Vit	Vitamin A, D_3, E, B, Tricalcium phosphat, Oxytetracyclin	Túi, gói, hộp	200, 500g, 1kg	Trị và phòng suy dinh dưỡng còi xương, bại liệt, thiếu máu, rối loạn tiêu hóa, tăng sức đề kháng	HCM X9-77
13	Sona Flumesol	Flumequin	Lon, gói	50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, cầu trùng PTH, THT, tiêu chảy rối loạn tiêu hóa, hô hấp	HCM X9-88
14	Sona Flox	Norfloxacin	Lon, gói	50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị và ngừa các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	HCM X9-89
15	Sona-Premix 1	Vitamin A, D_3, B_1... Vi khoáng Zn, Mg	Lon, gói	250, 500g, 1kg	Tăng cường sức đề kháng kích thích thèm ăn, ngừa tiêu chảy, bệnh thiếu máu	HCM X9-90
16	Sona-Premix 2	Vitamin A, D_3, B_1... Vi khoáng Zn, Mg	Lon, gói	250, 500g, 1kg	Bổ sung vitamin và khoáng vi lượng cho heo thịt. Tăng cường sức đề kháng	HCM X9-91
17	Oxolinic 10%	Oxolinic acid (Muối Sodium)	Gói Lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+): nhiễm Vibrio sp, viêm xoang mũi, phù đầu, CRD	HCM X9-100
18	Oxolin 20%	Oxolinic	Gói Lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+), nhiễm Salmonella, Colibacille, Pasteurella	HCM X9-101
19	Vitamin C 12,5%	Vitamin C	Gói Lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng	HCM X9-102

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
20	Đặt trị khẹt vịt	Tylosin tartrate	Gói Lon	5, 10, 20, 50, 100g 100, 200g	Trị bệnh đường hô hấp: ho, viêm phổi, phế quản, sổ mũi, CRD	HCM X9-104
21	Ivertin	Ivermectine	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo, cừu	HCM X9-118
22	Dotyline WS	Doxycycline, Tylosin	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X9-20
23	Dimolin	Colistin sulfate Amoxycilline	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X9-21
24	Doxycol WS	Doxycycline Colistin sulfate	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên gia cầm	HCM-X9-24
25	Tiacycline WS	Tiamulin, Oxytetracycline	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	HCM-X9-28
26	Lincotin WS	Lincomycin Colistin sulfate	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X9-38
27	Neocoli WS	Neomycine Colistin sulfate	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên heo	HCM-X9-41
28	Diarrhe-Stop	Colistin sulfate Sulfaguanidin	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy cấp và mãn tính trên bê, dê non, cừu non, ngựa con, heo con	HCM-X9-49
29	Tilocol	Colistin sulfate Tylosin, Vitamin A, C	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, viêm phổi địa phương, tiêu chảy trên heo, gia cầm	HCM-X9-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
30	Amox AD	Amoxycilline	Túi, gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê non, cừu non, heo	HCM-X9-99
31	Coliprim WS	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X9-51
32	Doxyprim WS	Doxycycline, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X9-52
33	Doxy-B	Doxycycline, Bromhexine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, gia cầm	HCM-X9-75
34	Tiamulin	Tiamulin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên heo, gà, vịt	HCM-X9-87
35	Ampicoli WS	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị CRD, sổ mũi truyền nhiễm, bệnh tụ cầu khuẩn trên gia cầm. Trị tiêu chảy, viêm phế quản, Salmonellosis trên gia súc	HCM X9-119
36	Domalin WS	Doxycycline HCl Trimethoprim	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM X9-120
37	Doxin WS	Doxycycline HCl Tylosin tartrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM X9-121
38	Doxy WS	Doxycycline HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) do Anaplasma, Theileria spp., Rickettsiae và một vài Mycoplasma, Ureaplasmata	HCM X9-122

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
39	Flumesol WS	Flumequine	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine như colibacillosis, pasteurellosis, Salomonellosis trên bê, heo, gia cầm	HCM X9-123
40	Macrolan WS	Tylosin tartrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị CRD, cầu trùng, viêm xoang mũi trên gia cầm. Trị lỵ, tiêu chảy trên heo	HCM X9-124
41	Tiamulin WS	Tiamulin hydrogen furmarate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị xoắn khuẩn Treponema hyodysenteriae nhiễm trùng do Clostridia, xoắn khuẩn Leptospira (pyrogens, canida), nhiễm trùng do Streptococcal, Acti.pleuropneu-moniae trên heo. Nhiễm trùng do Mycoplasma spp., Staphylococcus aureus và Treponema spp trên gia cầm	HCM X9-125
42	Amoxcoli WS	Colistin sulfate Amoxycillin trihydrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột, ỉa chảy do E.Coli và Salmonella, CRD...	HCM X9-152
43	Colixin WS	Colistin sulfate Trimethprim	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị viêm, nhiễm trùng dạ dày ruột gây ỉa chảy, bạch lỵ, hồng lỵ, tụ huyết trùng, thương hàn, phó thương hàn, CRD… trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM X9-153
44	Enroflox WS	Enrofloxacin	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp và đường sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM X9-154

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
45	Levasol WS	Levamisol	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Tẩy giun sán trên heo, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng, chó, mèo, chim	HCM X9-155
46	Spirasultrim	Spiramycin adipat Trimethoprim	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh CRD cho gia cầm, thỏ, heo con, bê, cừu non, dê con	HCM X9-156
47	Penicillin G potassium	Penicillin G	Lọ	1.000.000UI	Trị các bệnh tụ huyết trùng, đóng dấu son, viêm ruột, tử cung, khớp	HCM X9-61
48	Streptomycin Sulfat	Streptomycin	Lọ	1g	Trị tiêu chảy, CRD, thương hàn, phân trắng ở gia súc, gia cầm	HCM X9-62
49	Kana ampi	Kanamycin sulfate Ampicillin sodium	Lọ	1g	Trị tiêu chảy, phân trắng, THT, thương hàn, viêm khớp, ruột, phổi, tử cung	HCM X9-63
50	Peni-Strepto	Penicillin G, Streptomycin	Lọ	1MUI Peni +1g	Trị tụ huyết trùng, nhiệt thán, sảy thai, viêm phổi, tử cung, khớp	HCM X9-94
51	Ampicillin Sodium	Ampicillin sodium	Lọ	1g	Trị các bệnh viêm đường hô hấp, tiêu hóa và sinh dục…	HCM X9-95
52	Amoxin	Amoxycillin trihydrate; Bromhexin HCl	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu - sinh dục, đường tiêu hóa gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với amoxycillin	HCM X9-159
53	Coli WS	Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với colistin như: E.Coli, Haemophilus và Salmonella spp. ở bê, nghé, dê, cừu, heo và gia cầm	HCM X9-160
54	Intercox WS	Sulfaquinoxaline sodium	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm, thỏ	HCM X9-161

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
55	Norflox WS	Norfloxacine	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM X9-162
56	Bactrim	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Viên, lọ	700mg	Trị rối loạn sinh dục - tiết niệu, bệnh đường hô hấp, rối loạn da, bệnh màng não trên chó	HCM X9-171
57	Sulfa-coli	Colistin sulfate Sulfaguanidin	Viên, lọ	2g, 5g	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột trên bê, cừu	HCM X9-172
58	Lincocoli	Lincomycin HCl Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, bệnh lỵ, viêm phổi địa phương, viêm khớp, bệnh nhiễm trùng do Mycoplasma... trên heo, gia cầm	HCM X9-175
59	Neocoli	Neomycin sulfate Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, cừu non, dê non, heo con, thỏ, gia cầm	HCM X9-176
60	Tetramycine WS	Oxytetracycline HCl	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracyc-line trên bê, cừu, dê, heo, gia cầm	HCM X9-177

45. Công ty TNHH sản xuất thương mại Lê Trung

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Biocalcium-S	Vitamin, khoáng chất	Gói	5, 50, 100ml	Bổ sung khoáng và vitamin cho gia súc, gia cầm	HCM-X10-20
2	Pro VTM	Vitamin A, D, E	Gói	100, 200, 500g	Tăng cường chuyển hóa thức ăn, bổ sung vitamin A, D, E khoáng chất	HCM-X10-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Ampicoli	Ampicillin, Alexin Colistin sulfate, Vit C	Gói	5, 50, 100, 500g	Trị THT, phân trắng, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột, tiêu chảy do E.Coli và Salmonella, CRD	HCM-X10-22
4	B Complex C	Vitamin B_1, B_2, PP, B_5, B_6, B_{12}, C	Gói	100, 200, 500g	Bổ sung vitamin nhóm B, C cho gia súc và gia cầm, tăng khả năng đẻ trứng của gà, vịt, cút	HCM-X10-31
5	Vitamin K_3 25%	Vitamin K_3	Gói	50, 100, 500g	Cầm máu cho gia súc gia cầm bị chảy máu do mắc bệnh tiêu chảy hay bệnh CRD ở gà, vịt	HCM-X10-34

46. Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	ASI Flumevet	Flumequine Vitamin A, C	Gói, hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500; 1.000g	Điều trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột, đường tiết niệu ở bê, heo, gia cầm	HCM-X11-4
2	Tiêu chảy heo	Apramycine, Colistin	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị tiêu chảy heo	HCM-X11-19
3	CRD 95	Tiamulin, Erythromycin	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh CRD cho gia cầm	HCM-X11-20
4	Corydon C	Erythromycine	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-22
5	Neorycine Complex	Erythromycine, Neomycine	Gói	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-25
6	ASI Norfloxacin 5%	Norfloxacin	Gói hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500; 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột ở trâu, bò, gia cầm	HCM-X11-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
7	Tylo-SP	Tylosin, Kanamycine	Gói	500g	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	HCM-X11-46
8	Tio coli	Tiamutin, Colistin	Gói	500g	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	HCM-X11-47
9	Gentamoxim	Amoxicilline, Gentamycine	Gói	5, 50, 100, 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-66
10	Asi-tiamulin 10%	Tiamutin	Gói, chai lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-28
11	Superstress	Kitasamycin, Vitamin	Gói, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng bệnh do vận chuyển	HCM-X11-29
12	Neotadone C	Neomycine Tetracycline, Vitamin	Gói, chai lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm và bổ sung vitamin	HCM-X11-33
13	Tocamix 250	Colistin, Tetracycline Vitamin, Acid amin	Gói, chai lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm và bổ sung vitamin	HCM-X11-34
14	Tiacyline	Tiamutin, chloteracycline	Gói, lọ	5, 10, 50, 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	HCM-X11-58
15	Neodia	Neomycine, Vitamin C Tetracycline	Gói, lọ, chai	5, 10, 50, 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-59
16	Genta ST	Gentamycine	Gói, lọ	5, 10, 50, 100g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ở gia súc	HCM-X11-60
17	Ery Tylo complex	Erythromycine, Tylosin, Vitamin	Gói, lọ, chai	5, 10, 50, 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-61
18	Enroflox Coliscomplex	Enrofloxacine, Vitamin	Gói, lọ, chai	5, 10, 50, 100g; 1kg	Bổ sung vitamin và phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
19	Tylocombi	Tylosin, Trimethoprim	Gói, lọ, chai	5, 10, 50, 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-63
20	Pig scour	Streptomycin, Neomycine	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-1
21	Anti Gumboro	Vitamin nhóm B, khoáng	Gói, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Tăng cường sức đề kháng của gia cầm	HCM-X11-2
22	Trẹo chân gà	Vitamin, khoáng, Acid amin	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Bổ sung vitamin và khoáng	HCM-X11-5
23	Genta-Tylo Pred	Tylosin, Gentamycin, Prednisolone	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị THT, viêm vú, viêm tử cung, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, viêm rốn	HCM-X11-6
24	Colitetravet	Colistin	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị ỉa chảy phân trắng, thương hàn, viêm phổi, viêm xoang mũi, CRD	HCM-X11-7
25	Aminopolyvital	Vitamin, Lysin, Methionine	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị các chứng suy dinh dưỡng do thiếu Vitamin. Tăng cường sức đề kháng	HCM-X11-8
26	Tiodoxy Complex	Tiamutin, Doxycycline	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị bệnh thương hàn, tiêu chảy, THT, nhiễm trùng máu, CRD, bệnh phù đầu	HCM-X11-11
27	Tetra trứng	Chlotetracycline, Vitamin	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Bổ sung vitamin và phòng bệnh cho gia cầm	HCM-X11-14
28	CRD 97	Lincomycine, Tetracycline	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị bệnh CRD cho gà	HCM-X11-15
29	B complex C	Vitamin nhóm B, C	Gói,	5, 10, 100, 500, 1000g	Phòng và trị các bệnh thiếu Vit nhóm B, C	HCM-X11-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
30	Toi gà vịt	Chlortetracyclin Streptomycine, Vit B_1, B_2, B_5, B_6, C, PP, K_3	Gói, chai, lọ	5, 10, 100, 500, 1000g	Trị toi gà vịt ở gia cầm	HCM-X11-17
31	Cephalothin	Cephalothin sodium	Chai, lọ	1, 2, 5, 10, 100g	Trị bệnh đóng dấu son cấp tính, viêm tử cung, viêm phổi, CRD, viêm vú	HCM-X11-67
32	Kanamycin	Kanamycin sulfate	Chai, lọ, gói	1, 2, 5, 10, 100g	Phòng và trị bệnh viêm phổi, nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X11-72
33	Ampicillin	Ampicillin sodium	Chai, lọ	1, 2, 5, 10, 100g	Trị bệnh dấu son cấp tính, sốt sau khi sanh, viêm tử cung, viêm vú, sưng phổi	HCM-X11-73
34	L-spectin	Lincomycine, Spectinomycin	Chai, lọ, gói	1, 2, 5, 10, 100g	Trị bệnh dấu son cấp tính, sốt sau khi sanh, viêm tử cung, viêm vú	HCM-X11-74
35	Streptomycine	Streptomycine sulfate	Chai, ống, lọ	1, 2, 5, 10, 100g	Phòng và trị bệnh viêm phổi, nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X11-81
36	Aminivit	Acid amine, Vitamin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Bổ sung vitamin và acid amin	HCM-X11-35
37	Analgin	Analgin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Giúp phục hồi, giảm sốt khi bệnh	HCM-X11-36
38	ASI Enrofloxacin 100	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày - ruột, hô hấp ở bê và gia cầm	HCM-X11-39
39	ASI Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày - ruột, hô hấp ở bê và gia cầm	HCM-X11-41
40	Gentamycine	Gentamycine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
41	ASI Polymycin 500KU	Colistin	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường dạ dày, ruột, máu, khớp ở trâu, bò, dê, heo	HCM-X11-43
42	Lincocine	Lyncomycine	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh viêm khớp	HCM-X11-44
43	Suanotrim	Spiramycin, Trimethoprim	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-48
44	Tylosin 50	Tylosin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	HCM-X11-51
45	Tylosin 200	Tylosin	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-52
46	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-53
47	Enrofloxacin 5%	Enrofloxacine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-54
48	Genta-Tylo	Tylosin, Gentamycine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-55
49	Iodocase 1000	Iodocasein	Ống, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Kích thích tăng tiết sữa cho nái	HCM-X11-57
50	Vitamin C	Vitamin C	Lọ, chai	50, 100ml	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X11-65
51	Norflox-5	Norfloxacin	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-68
52	Oxytetra	Oxytetracyclin HCl	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-69
53	Tiamulin 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-71
54	Analgin-C	Analgin, Acid Ascorbic	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Giúp tăng sức đề kháng, hạ sốt, chống stress ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
55	Glucose 5%	Glucose	Chai, lọ	50, 100, 500ml	Tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-78
56	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-80
57	Asi-Fenzol	Fenbendazol	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị sán ký sinh trong đường ruột, dạ dày, phổi, thận trên heo, gia cầm	HCM-X11-83
58	Asi-Dox 20	Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X11-84
59	Asi-Flor 50	Florphenicol	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên heo, gia cầm	HCM-X11-85
60	Asi-Gendox	Doxycycline hyclate Gentamycine sulfate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên heo, gia cầm	HCM-X11-86
61	Asi-Vit C 20	Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Chống stress, tăng sức đề kháng, nhanh hồi phục sức khỏe sau điều trị	HCM-X11-87
62	Asi-Dox 50	Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X11-88
63	Asi-Toltrazuril 2.5%	Toltrazuril	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Phòng và trị cầu trùng trên heo con, gia cầm	HCM-X11-89
64	Asi-Tiamulin 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, hồng lỵ trên heo, gia cầm	HCM-X11-90

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
65	Asi-Anticoc	Sulfadimidine sodium, Diaveridine	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Phòng và trị cầu trùng, tiêu chảy, thương hàn trên heo, gia cầm	HCM-X11-91
66	Asi-Flor 4	Florphenicol	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên heo	HCM-X11-92
67	Asi-Florfenicol 10%	Florphenicol	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên heo, gia cầm	HCM-X11-93
68	Asi-Analgin C	Analgin Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Chống stress, tăng sức đề kháng, hạ sốt, giảm đau, kháng viêm	HCM-X11-94
69	Asi-Doxy 10%	Doxycycline hyclate	Chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X11-95
70	Asi-Neodox	Neomycine sulfate Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X11-96
71	Asi-C 25%	Vitamin C	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Phòng, chống các chứng thiếu Vitamin C. Tăng sức đề kháng, chống stress khi thay đổi thời tiết, chích ngừa, vận chuyển...	HCM-X11-97
72	Asi-Analgin 20	Analgin	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Hạ sốt, giảm đau, chống stress, kháng viêm	HCM-X11-98
73	Asi-Neomix 70	Neomycine sulfate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X11-99
74	Asi-Tydox	Doxycycline hyclate Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X11-100

47. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn (Vivco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Complex diarrhea	Norfloxacin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm: tiêu chảy, thương hàn, viêm ruột	HCM-X15-03
2	Septycoli	Cephalexin, Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-02
3	Tiêu chảy heo	Apramycin sulfate, Vitamin A, B_1, K_3	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan	HCM-X15-07
4	Dynadoxy plus	Tiamulin hydrogen Chlortetracyclin HCl, Dipyrone	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X15-13
5	Tiêu chảy heo	Flumequin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh tiêu chảy trên heo	HCM-X15-07
6	Super Egg	Tiamulin, Chlotetracyclin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	HCM-X15-09
7	Bcomax E	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, C, B_{12}, E, K_3	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu viatmin gây ra, stress do vận chuyển	HCM-X15-10
8	Vitamax-100	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_5, PP, C, K_3	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các chứng thiếu vitamin và khoáng vi lượng trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-11
9	Gumbest	Natri citrate, KCl, NaCl, Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, C, K_3	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Tăng cường sức đề kháng cơ thể, giúp gia cầm non khỏi bệnh Gumboro; kích thích tạo kháng thể	HCM-X15-12
10	Ascovit AD_3E	Vitamin A, D_3, E, C	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị các chứng thiếu hụt vit A, D_3, E, C, tăng năng suất trứng của gà, vịt, cút	HCM-X15-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
11	Liệt chân gà vịt	$NaHCO_3$, KCl, NaCl, vitamin A, D_3, E, C	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Cung cấp vitamin, khoáng, amino acid thiết yếu	HCM-X15-22
12	Tẩy giun	Levamisol HCl	Gói, bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Tẩy các loại giun sán đường phổi và đường ruột của heo, bò, gà, vịt ngan,	HCM-X15-23
13	Vivcoli	Colistin sulfate	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng, trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phân xanh do E.coli, Salmonella	HCM-X15-61
14	Terramycin-Eggformula	Tetramycin HCl, Vitamin A	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Kích thích tăng sản lượng trứng, tăng sức đề kháng, tăng trọng trên gia cầm	HCM-X15-62
15	Flumix	Flumequin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng, trị thương hàn, cầu trùng, bạch lỵ, CRD, viêm phổi, THT, viêm dạ dày ruột trên heo con	HCM-X15-64
16	Strepto Terramycin ADE	Streptomycin sulfate, Oxytetracyclin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tụ huyết trùng, cầu trùng, tiêu chảy phân trắng,…	HCM-X15-66
17	Tylanmox ADE	Amoxycillin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp và tiêu hóa như: viêm phổi, THT, thương hàn, CRD	HCM-X15-68
18	ADE Bcomplex C	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, C	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Ngăn ngừa bệnh thiếu vitamin, còi cọc, chậm lớn. Tăng sức đề kháng	HCM-X15-70
19	Neotetravita	Neomycin sulfate, Tetramycin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, viêm xoang mũi vịt, THT, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, suyễn, viêm phổi	HCM-X15-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
20	Vitaflash ADE	Vitn A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, Methionin, Lysin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Giúp gia súc, gia cầm phát triển, tăng trọng nhanh. Phòng và trị bệnh khẹo chân gà,...	HCM-X15-72
21	Spira-Tetravet	Spiramycin adipate, Oxytetracyclin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Phòng, trị CRD gà, viêm xoang mũi, viêm phổi, THT heo, gà, vịt	HCM-X15-74
22	Colitetravit	Oxytatracyclin HCl, Colistin sulfate	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh: viêm phổi, tụ huyết trùng, E.coli, CRD, viêm xoang mũi, thương hàn heo, gà, vịt	HCM-X15-75
23	Trị tiêu chảy	Colistin sulfate, Sulfaguanidin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh tiêu chảy cấp và mãn tính trên heo	HCM-X15-77
24	Ampicoli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, viêm rốn, viêm xoang mũi, CRD, tụ huyết trùng, thương hàn ở gia súc, gia cầm	HCM-X15-78
25	Eromix	Enrofloxacin HCl	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa: tiêu chảy phân trắng, thương hàn, PTH, kiết lỵ…	HCM-X15-80
26	Vitamin C Antistress	Vitamin C	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các chứng thiếu máu, xuất huyết, dùng trong các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng	HCM-X15-90
27	Cephacin	Cephalecin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X15-127
28	Cephagenta	Cephalecin, Gentamycin sulfate	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, cúm, viêm mũi vịt, phù đầu vịt...	HCM-X15-128

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
29	Kháng sinh vịt	Josamycin Oxytetracy (HCl)	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50g; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh: Ho kéo dài, thở khó, hắt hơi, chảy nước mắt, CRD, sưng phù đầu, viêm xoang, THT cho gia súc, gia cầm	HCM-X15- 151
30	Đặc trị thương hàn	Apramycine sulfate, Ceftiofur (HCl)	Gói Lon	2; 5; 10; 20; 50g; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trâu, bò, heo: Trị viêm đường hô hấp và tiêu hóa. Gà: Bệnh do E.coli và S.gallinarum	HCM-X15-152
31	CRD Stop	Josamycin, Trimethoprim	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị viêm phổi, viêm khớp, viêm màng hoạt dịch do Mycoplasma cho gia cầm	HCM-X15-153
32	Oxonic 20	Oxolinic	Gói, lon	5, 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng; thương hàn, bệnh do E.coli, viêm đường sinh dục, viêm đường hô hấp mãn do vi khuẩn Gr(-) cho gà	HCM-X15-156
33	Úm gà vịt	Spiramycin Colistin	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cho gia cầm, bê, heo con, dê, cừu non, nhiễm trùng máu, viêm ruột trên thú non	HCM-X15-158
34	Đặc trị toi - E.coli	Colistin Lincomycin	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị hội chứng tiêu chảy trên heo con, thiết lập cân bằng hệ vi sinh vật đường ruột	HCM-X15-159
35	Enro - C	Enrofloxacin, Vit C, Bromhexin, Paracetamon	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị sưng phù đầu do E.coli viêm xoang mũi, viêm khớp cho gà, vịt, cút. Viêm ruột, tiêu chảy, phù đầu, THT, viêm khớp cho heo	HCM-X15-160

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
36	Đặc trị hô hấp	Gentamicin Doxycycline	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn gr(+) và gr(-)	HCM-X15-161
37	Toi gia cầm	Erythromycin Colistin	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị CDR, Coryza, Pasteurllosis, Salmonellosis, bệnh tiêu chảy gây ra do trực khuẩn E.coli trên gà, vịt	HCM-X15-162
38	Norampi-T	Oxytetracycline Thiamphenicol Dexamethasone	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, THT, CRD, CCRD, viêm xoang mũi, sưng phù đầu, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-168
39	Complex diarrhea	Colistin, Neomycin Vit A, B_1, B_2, B_6, C	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, bệnh bạch lỵ, viêm rốn, phù thủng, phó thương hàn	HCM-X15-171
40	EST-Vita	Trimethoprim, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, TH, nhiễm trùng niệu, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X15-65
41	Ampiseptryl-Vita	Ampicillin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-67
42	Tylan-Septotryl	Sulfadimidin, Tylosin, Vitamin C	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X15-69
43	Bactrim fort	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên heo và gia cầm	HCM-X15-81
44	Penstrep	Penicillin G, Streptomycin sulfate	Lọ	1,628; 8; 16; 50; 100g	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và streptomycin	HCM-X15-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
45	Kampi	Kanamycin sulfate, Ampicillin trihydrate	Lọ	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và kanamycin	HCM-X15-55
46	Kapen	Penicillin G, Kanamycin sulfate	Lọ	1,1; 5,5; 10; 30; 50; 100g	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và kanamycin	HCM-X15-56
47	Dynatyl	Tiamulin fumarate, Tylosin tartrate	Lọ	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với tiamulin và tylosin	HCM-X15-57
48	Spiracoli	Spiramycin adipate, Colistin sulfate	Lọ	0,3; 3; 6; 12; 30; 50; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với spiramycin và colistin	HCM-X15-58
49	Tylo SC	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Lọ	0,55; 2; 7,5; 5,5; 11; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với tylosin và colistin	HCM-X15-59
50	Ampi tylo	Ampicillintrihydrate, Tylosin tartrate	Lọ	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với ampicillin và tylosin	HCM-X15-60
51	Penicillin G Potassium	Penicillin G potassium	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh viêm phổi, đóng dấu son, nhiệt thán, viêm tử cung, viêm khớp, viêm vú	HCM-X15-119
52	Streptomycin Sulfate	Streptomycin sulfate	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị toi, viêm phổi, tiêu chảy phân trắng, viêm tử cung	HCM-X15-120
53	Ampicillin	Ampicillin sodium	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị THT, cúm, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, kiết lỵ, dấu son	HCM-X15-121

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
54	Kanamycin sulfate	Kanamycin sulfate	Lọ	0,5; 1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị bệnh toi gà, viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi mãn tính, thương hàn, tiêu chảy	HCM-X15-122
55	Cephaject	Cephalecin	Lọ, chai	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X15-134

48. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amino-C	Tryptophan, Lysine, Methionine, Vit. C	Gói Lon	5g; 100g 100g	Cân bằng amino acid, chống Stress, tăng sức đề kháng	HCM-X17-01
2	Ampi-Coli 125	Ampicillin, Colistin	Gói, lon	5g; 100g, 100g	Phòng, trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X17-02
3	Anti-Scour	Hydroxyquinoline Tetracycline, Vitamin A	Gói	5g; 30g	Trị tiêu chảy ở heo con, bệnh thương hàn, bệnh tiêu chảy có máu, tiêu chảy do đơn bào	HCM-X17-03
4	Basabon-Plus	Active chacoal, Colistin, Arsenite, Bicarbonate, Magnesium, Calcium	Gói	100g	Sát trùng đường ruột, sình bụng, trướng hơi, ngộ độc do thức ăn hay môi trường nước bẩn	HCM-X17-05
5	Caribou-LX	Netromycin, Carbasone, Colistin	Gói	100g	Phòng trị bệnh tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy do E. coli, CRD, CCRD	HCM-X17-06
6	Điện giải và khoáng	Khoáng	Gói	100g, 1kg	Phục hồi dịch thể sau khi bị tiêu chảy, mất nước. Cân bằng acid base. Chống Stress	HCM-X17-07
7	Gava trứng	Chlotetracycline, Vit. A, D_3, E, K_3, nhóm B, Amino acid	Gói Lon	100g, 1kg 100g, 1kg	Tăng chất lượng và sản lượng trứng, tăng tỷ lệ trứng nở. Tăng sức đề kháng. Chống Stress do thời tiết, vận chuyển, tiêm phòng	HCM-X17-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Gicavit	Vit. A, D_3, E, K_3, C, nhóm B, Amino acid	Gói Lon	100g, 1kg 100g	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin và amino acid. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn	HCM-X17-16
9	Spectilin 615	Lincomycin, Spectinomycin	Gói Xô	250g 10kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp; viêm khớp, bệnh ngoài da, hội chứng MMA	HCM-X17-20
10	Gavacoli	Lincomycin, Vit B_1, C	Gói	250g	Phòng tiêu chảy cho heo con do E.coli, gây biến chứng phù thũng, các vi trùng khác	HCM-X17-21
11	Tetra C	Tetracycline, Vit. C	Gói	5g; 100g	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng do VK Gram(-), Gram(+). Kích thích tăng trọng	HCM-X17-26
12	Thông khí quản	Bromhexine, Tartaric acid	Gói	5g; 100g	Kết hợp với kháng sinh để tăng cường hiệu quả trị các bệnh đường hô hấp	HCM-X17-27
13	Vitamin ADE+CK	Vit. A, D_3, E, C, K_3	Gói Lon	50g 100g	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin A, D, E. Tăng cường sức đề kháng. Chống sảy thai	HCM-X17-31
14	Goldevit Plus	Vit. A, D_3, nhóm B, C, K_3, Vit. PP, Folic acid	Lon	100g	Phòng ngừa bệnh thiếu vitamin ở gia súc, gia cầm. Tăng sản lượng trứng, chống Stress	HCM-X17-87
15	B.Complex C	Vit. nhóm B, Folic acid	Gói Lon	10, 50g, 1kg 100g	Phòng và trị các bệnh thiếu Vitamin nhóm B, C, Biotin, acid folic, phòng bệnh Gumboro, CRD	HCM-X17-88
16	Levasole 300	Levamisole	Gói	3g	Bệnh giun đũa, giun bao tử, giun kim, giun kết hạt, giun phổi và các loại giun tròn	HCM-X17-90

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
17	Tomsumix	Vit A, D_3, E, Khoáng	Gói Lon	100g 1kg	Giảm hao hụt đầu con. Tăng trọng nhanh. Tăng sức đề kháng chống lại bệnh nhiễm trùng	HCM-X17-93
18	Aminozyme	Amino acid, Vit A, D_3, E, Khoáng	Gói	500g, 1kg	Cung cấp amino acid, khoáng hữu cơ và các enzyme cần thiết, tăng đề kháng, chống Stress	HCM-X17-94
19	Gavalactic	Amino acid, Vitamin, Khoáng	Gói	1kg	Cung cấp đầy đủ amino acid, vitamin và 25 loại khoáng hữu cơ vi - đa lượng	HCM-X17-97
20	Biotin Complex	Biotin, Vit A, Khoáng	Gói	100g	Phòng chống bệnh viêm da, da hóa sừng, viêm móng, nứt móng ở heo	HCM-X17-105
21	Superstock-P	Amino acid, Vitamin, Khoáng	Gói	1kg	Ngừa tiêu chảy do vi khuẩn Gr(-). Giúp heo nái cho nhiều sữa, giảm tiêu tốn thức ăn	HCM-X17-106
22	Netrovit B_{12}	Netromycin, Vit B_{12}	Lon	500g	Chống suy dinh dưỡng, thiếu máu, tiêu chảy do E.coli, thương hàn	HCM-X17-112
23	Superstok-C	Amino acid, Vitamin, Khoáng	Gói	1kg	Dùng úm gà con 1 - 3 ngày tuổi, chống lại yếu tố bất lợi do E.coil, Salmonella, cầu trùng	HCM-X17-114
24	Gavamix 1 New	Oxytetracycline, Vitamin, Khoáng	Gói	200g, 1kg	Phòng bệnh do thiếu dưỡng chất: da sần, rụng lông, nứt móng. Giúp heo con mau lớn, khỏe	HCM-X17-117
25	Gavamix 3 New	Oxytetracycline, Vitamin, Khoáng	Gói	200g, 1kg	Giúp heo thịt tăng trọng nhanh, phòng các bệnh rụng lông, nứt móng	HCM-X17-119
26	Multivitamin	Vit A, D_3, E, K_3, Vitamin nhóm B	Gói	100g	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin. Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, chống Stress	HCM-X17-129

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
27	E.D.C - Mycin	Enrofloxacin, Iodo-hydroxyquinoline, Vitamin A, D_3, nhóm B	Lon	100g	Phòng và trị THT, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy do E. coli, viêm xoang mũi, CRD, CCRD, liệt chân vịt do nhiễm trùng máu	HCM-X17-130
28	Lucazyme 500	Iodo-hydroxyquinoline, Sulfamethoxazole, Trime	Lon	500g, 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+), Nấm, Protozoa	HCM-X17-132
29	Oxolin 20	Oxolinic acid	Gói, lon	100g	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	HCM-X17-135
30	Vitamin C	Vitamin C	Gói, lon	100g, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng, chống Stress	HCM-X17-140
31	AC 300	Apramycine, Ceftiofur hydrochloride	Gói	30g	Trị tiêu chảy cho heo, gà, vịt do E.coli, Salmonella spp., tụ huyết trùng	HCM-X17-144
32	AC 600	Apramycine, Ceftiofur-hydrochloride	Gói	500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy cho heo, gà, vịt do E.coli, Salmonella spp., tụ huyết trùng	HCM-X17-145
33	Gacamo	Vitamin A, D, E, K, nhóm B, và khoáng	Gói	100g	Phòng và trị bệnh Cannibalism do thiếu khoáng, vitamin, acid amin, trẹo chân gà bệnh còi xương, rụng lông	HCM-X17-146
34	Anti - Gum	Vitamin C, nhóm B, Acid Folic, Biotin, các loại muối	Gói	100g	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin nhóm B, C, Biotin và Folic acid: Bệnh ngoài da, thiếu máu, suy nhược cơ thể	HCM-X17-147
35	Floxamco plus	Enrofloxacin, Bromhexine, Vit C, K_3	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên heo, bê, dê, cừu, gà, vịt, cút	HCM-X17-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
36	Ciprozyme 257	Cephalexin, Colistin, Vitamin C, K_3, Amylase, Protease	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên heo, bê, dê, cừu, gà, vịt, cút	HCM-X17-126
37	Cephazyme	Cephalexin, Vitamin C, Amylase, Protease, Lipase	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X17-134
38	Coli 2000	Flumequin, Salicylate, Bromhexin, Inositol, Vitamin K_3, A, D_3, E, B_1, B_2, B_3, B_5, B_6	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn, viêm phổi trên trâu, bò, heo, gà, vịt, cút	HCM-X17-148
39	Anti C.R.D 2000	Enrofloxacin, Vitamin C, Bromhexin	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị viêm phổi, tiêu chảy, thương hàn, trên bê, nghé, heo con, gà, vịt	HCM-X17-153
40	Doxenco-Vit	Enrofloxacin, Vitamin PP, K_3	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X17-8
41	Doxytin-C	Tiamulin, Doxycyclin, Vit. C, Sodium salicylate	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	HCM-X17-9
42	Floxamco	Enrofloxacin, Vitamin PP, K3	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên bê, heo, gà, vịt, cút	HCM-X17-11
43	Flutatin	Flumequin	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo con, gà, vịt, cút	HCM-X17-12
44	Genta-Sept	Gentamicin, sulphadimidine, Vitamin PP	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị tiêu chảy do nhiễm khuẩn trên bê, nghé, heo con, gà, vịt, cút	HCM-X17-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
45	My-Coli 1500	Spiramycin, Trimethoprim, Vitamin C	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp hóa trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X17-22
46	Toi gia cầm	Enrofloxacin, Vitamin C, Sodium salicylate	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm da, viêm khớp trên gà, vịt, cút	HCM-X17-30
47	Net-Tesol-CR	Neomycin, Oxytetracyclin, Sodium metabisulfite	Gói, hộp, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 10; 25kg	Trị THT, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, viêm xoang mũi, nhiễm trùng máu trên heo, gà, vịt	HCM-X17-133
48	Tiêu chảy heo	Neomycin, Oxytetracycline	Hộp, bao, thùng	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Oxytetra-cycline	HCM-X17-168
49	Ampi-K	Ampicillin	Lọ	1g	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, THT, viêm phổi cho gia súc, gia cầm	HCM-X17-75
50	Doxenro-CD	Doxycyclin, Dexathasone, Bromhexin	Chai	10; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X17-76
51	Kanapen	Kanamycin	Lọ	1,5g	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng...	HCM-X17-81
52	Penicillin	Penicillin	Lọ	1MIU	Trị viêm phổi, THT, nhiệt thán, đóng dấu...	HCM-X17-83
53	Penicillin	Penicillin 4.000.000IU	Lọ	4MIU	Trị viêm phổi, THT, nhiệt thán, đóng dấu...	HCM-X17-84
54	Streptomycin	Streptomycin	Lọ	1g	Trị tụ huyết trùng, viêm đường hô hấp, viêm nhiễm do vi trùng Gram(-)	HCM-X17-85

49. Công ty TNHH TM - SX thuốc thú y Song Vân

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylanvit-C	Tylosin tartarat, Sulfadimidine Natri, Vitmin A, Vitamin C	Gói, lọ	10, 50, 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin và sulfadimidin trên heo	HCM-X18-01
2	Amcoli-fort	Ampicillin, Colistin	Gói Lọ, chai	10, 50, 100, 500, 1000g 10, 50, 100, 500, 1000g	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	HCM-X18-02
3	Kim kê trứng	Tiamutin HF, Vitamin A, B, D, E, khoáng	Gói Lọ, chai	50, 100, 500g, 1kg 50, 100, 500g, 1kg	Tiêu chảy, thương hàn, CRD, bại liệt	HCM-X18-05
4	B.Complex ADE	Vitamin A, B, D, E, Khoáng vi lượng	Gói Lọ, chai	100, 500, 1000g 100, 500, 1000g	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin, tăng cường sức đề kháng	HCM-X18-09
5	Amoxypen	Amoxycillin	Gói Lọ, chai	10, 20, 50, 100g, 500g, 1kg	Điều trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm vú, sốt cao, CRD	HCM-X18-15
6	Bactrim-For-vet	Trimethoprim Sulfamethoxazol	Gói Lọ, chai	10, 20, 50, 100g, 500g, 1kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng tiêu hóa, CRD	HMC-X18-16
7	Vigamycin	Tiamulin HF, Tetracyclin	Gói Lọ, chai	10, 20, 50, 100g, 500g, 1kg	Điều trị CRD, CCRD, nhiễm trùng hô hấp, tụ huyết trùng	HCM-X18-17
8	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói Lọ, chai	5, 50, 100, 500g, 1kg; 5kg; 10kg	Điều trị bệnh thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	HCM-X18-18
9	Piperazin	Piperazin citrat	Gói Lọ, chai	5, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Tẩy trừ giun đũa, giun kim, giun móc	HCM-X18-19
10	Carboquin	Carboligni, Flumequin Muối carbonat	Gói Lọ, chai	5, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Thuốc chống tiêu chảy, trướng bụng, đầy hơi, ăn không tiêu	HCM-X18-20
11	Toi gà vịt	Erythromycin	Gói Lọ, chai	10, 50, 100, 500g 10, 50, 100, 500g	Điều trị nhiễm khuẩn hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu, sinh dục	HCM-X18-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Tiamulin coated premix 10%	Tiamulin coated	Gói Lọ, chai	20, 50, 100, 500g, 1kg	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa	HCM-X18-24
13	Para-C-Vit	Paracetamol, Vitamin C	Gói Lọ, chai	5, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Giảm đau, hạ nhiệt	HCM-X18-31
14	Tetralidon	Tetracyclin, Sulfamethoxazol	Gói Lọ, chai	5, 10, 50, 100, 500g, 1kg	Điều trị các bệnh do cầu trùng gây ra	HCM-X18-33
15	SV-Strep-berin	Streptomycin, Berberin	Gói Lọ, chai	10, 50, 100, 500g, 1kg	Điều trị tiêu chảy, tiêu chảy kéo dài	HCM-X18-34
16	SV-Veraga	Vitamin nhóm B, Vitamin PP, A.amin, khoáng, Aspirin	Gói Lọ, chai	10, 50, 100, 500g, 1kg	Điều chỉnh các rối loạn thần kinh, chống cắn mổ, cạp phá chuồng	HCM-X18-39
17	Dermovet	Erythromycin, Dexa	Bình xịt	100, 200, 250ml	Trị vết thương ngoài da, các bệnh về móng	HCM-X18-51
18	Sovalox	Chlotetracyclin, Nystatine	Viên	13,5g	Phòng và trị nhiễm trùng do sót nhau, viêm dạ con trên ngựa, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X18-07
19	Amfuram C	Ampicillin Trihydrat, Sulfamethoxazol	Gói, lọ	10, 50, 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Ampicillin và S.methoxazol trên bê, cừu non, dê con, gia cầm và heo	HCM-X18-76
20	Vagylox	Enrofloxacin, Dexamethasone	Hộp	6 viên/vỉ	Trị viêm nhiễm âm đạo, tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê	HCM-X18-77
21	Zusanka	Levamysol, Niclosamid	Gói	2; 3; 5; 10; 50; 100g	Trị nội ký sinh trùng trên chó, mèo	HCM-X18-80

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
22	Selen-Plus	Selenit natri, Vitamin E, A, Zinc sulfate	Gói, lọ	10; 50; 100; 500; 1kg	Phòng và trị loạn dưỡng cơ, kích thích tăng miễn dịch trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-82
23	Biozim	Biotin, Zinc oxit, Calci pentothenat, Vit A, E, B_2, PP, Axít Folic	Gói, lọ	10; 50; 100; 500; 1kg	Kích thích, cải thiện da, lông, móng	HCM-X18-83
24	Sumococci	Sulfadimidin, Berberin	Gói, lọ	10; 50; 100; 500; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên heo, dê non, cừu non, gia cầm	HCM-X18-84
25	Mycovet	Nystatin	Gói, lọ	10; 50; 100; 500; 1kg	Phòng và trị bệnh do nấm	HCM-X18-85
26	Tylanvit-C	Tylosin tartarat, Vitamin C, A, Sulfadimidine Natri	Gói, lon	10, 50, 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin và sulfadimidin trên heo; phòng chảy máu ruột non và phòng ngừa viêm phổi	HCM-X18-89
27	Amfuram C	Ampicillin Trihydrat, Sulfamethoxazol	Gói, lon	10, 50, 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn mẫn cảm với ampicillin và sulfamethoxazol trên bê, cừu non, dê con, gia cầm và heo	HCM-X18-90
28	Doxysova	Doxycyclin (hyclat)	Túi, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, heo, gia cầm	HCM-X18-91
29	Trime-Colic	Trimethoprim, Colistin sulfat	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Trime-thoprim, Colistin trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HCM-X18-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
30	Amodiar	Amoxicillin trihydrat, Colistin sulfat	Túi, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm thanh quản, viêm tử cung, âm đạo có mủ, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gà, vịt, cút	HCM-X18-93
31	Neo-Colic	Neomycin sulfat, Colistin sulfat	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-94
32	Norfmy	Norfloxacin HCl	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày ruột, tiết niệu trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-95
33	Streptomycin	Streptomycin sulfat	Lọ	1; 5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) gây ra	HCM-X18-71
34	Benzynpeni-cillin	Benzylpenicillin	Lọ	1.000.000UI	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram(+) gây ra	HMC-X18-72
35	Tylodoxy	Tylosintartrate, Doxycyclin hydrate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycyclin trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X18-97
36	Neodox	Doxycyclin hyclate, Neomycin sulfate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Doxycyclin	HCM-X18-98
37	Gentadoxy	Doxycyclin hyclate, Gentamycin sulfate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin và Doxycyclin trên bê nghé, lợn và gia cầm	HCM-X18-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
38	Colidox	Colistin sulfate, Doxycyclin hyclate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Doxycyclin ở lợn và gia cầm	HCM-X18-100
39	Gaspirin-C	Aspirin, Vitamin C	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Hạ nhiệt, giảm sốt, giảm stress cho vật nuôi	HCM-X18-101
40	Ampi-Coli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfat	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-102
41	Decavit-B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và điều trị thiếu máu do thiếu vitamin B_{12} trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-103
42	Metacal-D_3	Vitamin D_3	Ống, lọ	2,5ml; 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và chữa các bệnh do thiếu Vitamin D_3 trên trâu, bò	HCM-X18-104
43	Gentamox-SV	Amoxcycillin trihydrate, Gentamycin sulfat	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê	HCM-X18-105
44	Fe-Dextran B_{12}	Fe-Dextran Vitamin B_{12}	Ống Lọ	5ml 5, 50, 100ml	Thuốc tăng cường trao đổi chất, bổ sung sắt, điều trị thiếu máu	HMC-X18-10
45	Gentamycin sulfat	Gentamycin sulfat	Ống Lọ	2; 5ml 5, 50, 100ml	Điều trị viêm vú, viêm tử cung, viêm tai, viêm phổi, tiêu chảy	HMC-X18-11
46	Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Ống, lọ	5, 50, 100ml	Trị CRD, viêm khớp, viêm vú, tiêu chảy	HMC-X18-12
47	Tia-prim	Tiamulin HF Trimethoprim	Ống Lọ	5ml 50, 100ml	Điều trị suyễn, cúm, tiêu chảy, CRD, viêm khớp, THT	HCM-X18-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
48	Vitamin C 10%	Vitamin C	Ống, lọ	5ml, 50, 100ml	Trị thiếu Vit C, tăng cường sức đề kháng	HMC-X18-14
49	Eucamphor	Eucaliptol, Camphor	Ống Lọ, chai	5, 10ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Thuốc kích thích hô hấp, vận mạch, giảm ho, long đờm	HCM-X18-26
50	SV-Colimycin	Colistin	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, THT	HCM-X18-42
51	Cefotaxim	Cefotaxim	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, suyễn, sổ mũi, THT	HCM-X18-44
52	Erytason^{SV}	Erythromycin, Trimethoprim	Ống, lọ	10ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị viêm phổi, phế quản, CRD, một số bệnh tiêu chảy, phân trắng, tụ huyết trùng	HCM-X18-45
53	Herogen^{SV}	Gentamycin, Analgin, Chlorpheniramin	Ống, lọ	10ml 10; 20; 50; 100ml	Sốt cao, cảm cúm, viêm phổi, viêm vú, tiêu chảy, thương hàn	HCM-X18-47
54	Flumesol	Flumequin	Lọ	100, 200, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng ruột gây tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, THT	HCM-X18-52
55	Neomycin	Neomycin, Dexamethason	Chai	10, 20, 50, 100ml	Điều trị các nhiễm trùng về mắt: viêm màng cứng, viêm kết mạc, loét bờ mi	HCM-X18-54
56	Vitamin A,D,E	Vitamin A,D,E	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml	Điều trị thiếu A, D, E, còi cọc	HCM-X18-56
57	Achodin	Atropin	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Chống co thắt, cắt cơn hen phế quản, giải độc thuốc trừ sâu	HCM-X18-57
58	Stanin	Strychnin	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Kích thích hô hấp, vận mạch, giải chất độc thần kinh	HCM-X18-58
59	Bamin - Bổ tiêm	Vitamin B_1, B_2, B_6	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Kích thích tiêu hóa, trị bại liệt, phù thũng do thiếu vitamin B_1, B_2, B_6	HCM-X18-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
60	Pilocarpin	Pilocarpin	Ống Lọ, chai	5, 10, 20ml 10, 20, 100ml	Tăng tiết dịch, tăng nhu động ruột, chống phù, liệt ruột, liệt bọng đái	HCM-X18-60
61	Biotin	Biotin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh về lông, móng, vết nứt, loét móng và da hóa sừng	HCM-X18-61
62	Secotex	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm khớp, viêm vú	HCM-X18-65
63	Tylosin 20%	Tylosin	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-66
64	Tysonicol	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Prednis	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Điều trị các bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Thiamphenicol	HCM-X18-67
65	D.O.C-Typholong	Oxytetracyclin, Thiamphenicol, Dexamethason	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin và Thiamphenicol trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-68
66	Isova	Ivermectin	Lọ, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng như: Giun đũa, giun phổi, giun thận	HCM-X18-69
67	Hisanti	Chlorpheniramin	Lọ, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị viêm mũi dị ứng, viêm kết mạc, dị ứng da, nổi mề đay, phù mạch	HMC-X18-70
68	Sovatril SV	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM-X18-03

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
69	Enrova SV	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM-X18-04
70	Oxyteta 10%	Oxytetracyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, gia cầm, thỏ	HCM-X18-06
71	Linpectino	Lincomycin, Spectinomycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên bê, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	HCM-X18-27
72	Flonicol-SV	Florfenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X18-29
73	Anazin-C	Analgin, Vitamin C	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm sốt, chống Stress, giảm đau trên trâu, bò, dê, cừu	HCM-X18-73
74	Dexazin	Analgin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm kết hợp hạ sốt trong các bệnh truyền nhiễm trên gia súc	HCM-X18-74
75	Dexavet	Dexamethasone Sodium phosphate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị Shock, viêm, dị ứng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X18-75
76	Flonicol 30%-SV	Florfenicol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X18-78
77	Amcoly-Jec	Amoxycilline, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày ruột, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo	HCM-X18-79
78	SV-Amoxy	Amoxycilline	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amox trên trâu, bò, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X18-81

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
79	Ampicillin	Ampicillin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin trên bò, lợn, cừu, gia cầm	HCM-X18-86
80	Flodoxy-SV	Florfenicol, Doxycyclin	Chai, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X18-87
81	Butasal	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển ở gia súc non	HCM-X18-88

50. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Anpha

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampi-Coli	Ampicillin, Colistin	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Trị các bệnh đường tiêu hóa và hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X19-01
2	B.Complex-C	Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin	HCM-X19-05
3	Anti-Stress	Ascorbic, NaCl, $NaHCO_3$, $MgSO_4$, KCl, Ca	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Tăng cường sức khỏe và hoạt động chống tình trạng stress	HCM-X19-04
4	Calphovit	Ca, P, Vit A, D_3, E, Methionin K_3, B_1, B_2, B_6, PP, C,...	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Phòng và trị bệnh suy dinh dưỡng, chống còi xương	HCM-X19-06
5	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn, mẫn cảm với Enrofloxacin	HCM-X19-17
6	Genta-Cepha	Cephalexin, Gentamycin, Vitamin B Complex	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Phòng và trị những bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X19-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Levamisol	Levamisol HCl	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Chống ký sinh trùng đường ruột	HCM-X19-30
8	Norfloxacin 30%	Norfloxacin	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa	HCM-X19-32
9	Terramycin 500	Oxytetracyclin, Sulfamid, Vit A	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường ruột	HCM-X19-36
10	Vitamin C 12,5%	Vitamin C	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Tăng cường sức đề kháng và phòng chống stress	HCM-X19-41
11	Soluble Vitamix	Vit A, D, E, K, B_1, B_2, B_6, B_5, B_{12}, PP, H, C...	Túi, hộp	5-10-20-50-100-500g-1kg	Bổ sung các loại Vitamin cho gia súc và gia cầm	HCM-X19-105
12	Ampi-Ery	Ampicillin tryhydrate, Erythromycin	Túi	10; 20; 50; 100; 500, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X19-15
13	Erycolivet	Erythromycin, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 50; 100; 500, 1kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, THT trâu, bò. Viêm ruột, viêm phổi, THT, thương hàn trên heo, gà, vịt	HCM-X19-16
14	Neotesul	Oxytetracyclin HCl, Neomycine	Túi	10; 20; 50; 100; 500, 1kg	Trị phân trắng, viêm phổi, THT trên heo, CRD, THT, viêm mũi ở gia cầm, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, THT trâu, bò	HCM-X19-31
15	UGV.Vita	Oxytetracyclin HCl, Spiramycin, Vit A	Túi	10; 20; 50; 100; 500, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp ở gia cầm non	HCM-X19-40
16	Colitrim	Colistin sulfate, Trimethoprim	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, THT trên bê, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X19-106
17	Genta-Bactrim	Gentamycin sulfat	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bê	HCM-X19-107

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
18	Dolan	Doxycyclin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên bê, heo, gà, vịt	HCM-X19-108
19	Doxy-Tylo	Doxycyclin, Tylosin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X19-110
20	Kháng sinh vịt	Oxytetracyclin, Tylosin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu hóa, hô hấp trên vịt	HCM-X19-111
21	Toi gia cầm	Tetracyclin, Erythromycin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Erythro-mycin trên gà, vịt, thỏ	HCM-X19-112
22	Ampicillin	Ampicillin	Lọ	1g/10ml; 10g/100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gram(-) và Gram(+)	HCM-X19-42
23	Kana Ampi	Ampicillin (500mg), Kanamycin (500mg)	Lọ	1g/10ml; 10g/100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gram(-) và Gram(+)	HCM-X19-43
24	Penicillin	Penicillin (1.000.000UI)	Lọ	10ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn mẫn cảm với Penicillin	HCM-X19-44
25	Propen 40	Penicillin G, Penicillin Procain	Lọ	10-20-100-250ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn mẫn cảm với Penicillin	HCM-X19-45
26	Pen-Strep 1000	Penicillin (1.000.000UI), Streptomycin 1g	Lọ	10-20-100-250ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gram(-) và Gram(+)	HCM-X19-46
27	Pen-Strep 500	Penicillin (1.000.000UI), Streptomycin 500mg	Lọ	10-20-100-250ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gram(-) và Gram(+)	HCM-X19-47
28	Streptocin	Streptomycin 1g	Lọ	10-20-100-250ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(-) và Gr(+)	HCM-X19-48
29	Tylo Ampi	Ampicillin (500mg), Tylosin (500mg)	Lọ	10-20-100-250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X19-49

51. Công ty TNHH Quốc Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	QM-Amcol	Ampicillin, Colistin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 1kg; 50g	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với ampicillin, Colistin như CRD, sổ mũi truyền nhiễm, THT, E.coli, thương hàn	HCM-X20-01
2	QM-ADE B Complex	Vitamin: A; D_3; E; B_1; B_2; B_5; B_6; B_{12}; PP	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-02
3	QM-ADEK GUM Soluble	Vitamin: A; B_2; B_5; C; D_3; E; K_3; PP; Sodium bicarbonate; Sorbitol; Methionine	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Dùng phối hợp để trị Gumboro, xuất huyết, tăng cường chức năng gan, cung cấp vitamin, acid amin giúp tăng sức đề kháng ở gia cầm	HCM-X20-03
4	QM-ADEK Soluble	Vitamin: A; B_1; B_2; B_5; B_6; B_{12}; D_3; K_3; PP	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Phòng bệnh thiếu vitamin cho gia súc, gia cầm. Giảm stress do thời tiết thay đổi, tiêm chủng	HCM-X20-04
5	QM-Anti Diarrhoea	Neomycine sulfate; Oxytetracycline	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 1kg, 50g	Trị tiêu chảy phân trắng trên gia súc, gia cầm	HCM-X20-05
6	QM-C.W.M	Chlotetracyline; Lysin; Ca.gluconate; VitA; B_5; B_6; C; D_3; E	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Ngăn ngừa và trị các bệnh về đường hô hấp, đường tiêu hóa, bệnh viêm rốn	HCM-X20-06
7	QM-Cephacine	Cephalexine	Gói Hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị viêm phổi, suyễn, viêm đường niệu, tiêu chảy ở lợn; viêm phổi, THT gia cầm	HCM-X20-07
8	QM-Amoxin	Amoxicillin	Gói, Hộp	10; 20; 100; 500g; 1kg; 50g	Trị CRD, viêm ruột do E.coli, Salmonella ở gia cầm; viêm phổi, thương hàn, THT ở lợn	HCM-X20-08

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	QM-Codovit	Colistin sulfate; Doxycyclline HCl	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị CRD, E.Coli, salmonella ở gia cầm; viêm ruột do E.coli, salmonella, viêm khớp, xoang mũi do Mycoplasma ở lợn	HCM-X20-09
10	QM-Coxyvit	Oxytetracycline, Colistin, Vit A, D_3, E, B_2, B_{12}, B_5, PP	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do bệnh mồng tím, nhiễm trùng đường ruột, tăng cường sức đề kháng, ngừa stress	HCM-X20-10
11	QM-Erycin	Erythromycine	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục ở lợn; CRD, CCRD, thương hàn, E.coli, ở gia cầm	HCM-X20-11
12	QM-Doxysol	Doxycycline	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg;	Trị viêm xoang mũi, viêm khớp do Mycoplasma, CRD, sưng phù đầu, viêm rốn, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, THT ở lợn, gia cầm	HCM-X20-12
13	QM-NC-SOL	Colistine sulfate; Neomycine sulfate	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 1kg; 50g	Trị viêm mũi, CRD, sưng phù đầu ở gia cầm; tiêu chảy do E.coli, Salmonella ở lợn, trâu bò,...	HCM-X20-15
14	QM-Baci-Ecolie	Trimethoprim, Colistin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, E.coli, salmonella ở gia súc, gia cầm	HCM-X20-16
15	QM-Coliprim	Trimethoprim, Sulfadiazin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết, viêm ruột, viêm khớp, viêm phổi, viêm phế quản	HCM-X20-17
16	QM-N.OX 10	Neomycin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 50, 100; 500g; 1kg	Trị bệnh tiêu chảy do E.coli ở lợn, dê	HCM-X20-18
17	QM-Piperazine	Piperazine Adipate	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Trị giun, sán, các loại giun đường tiêu hóa cho gà, heo, chó, trâu, bò như: Giun đũa, giun kim, giun kết hạt, giun tóc	HCM-X20-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
18	QM-S.L.S	Oxytetracylin; Lysin; Methionine; Vit: A; B_2; B_5; B_{12}; D_3; E; PP	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin, amino acide cần thiết cho gà, vịt, cút đẻ giúp tăng năng suất trứng	HCM-X20-20
19	QM-Speclin	Lincomycin Spectinomycine	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Điều trị bệnh viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm phổi ở lợn	HCM-X20-21
20	QM-Spicol	Spiramycin abidate; Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, THT, viêm vú, tiêu chảy ở lợn, trâu, bò; CRD, E.coli, viêm rốn, viêm xoang mũi ở gia cầm	HCM-X20-22
21	QM-Tycol	Tylosin tatrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, tử cung, viêm ruột tiêu chảy, phù thũng ở lợn và trâu, bò; CRD, E.coli, viêm túi khí, ở gia cầm	HCM-X20-23
22	QM-Macro	Tylosin tatrate	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g, 1kg	Trị viêm phổi, suyễn, tiêu chảy, ở lợn; thương hàn, phó thương hàn, bạch lỵ E.coli ở gia cầm	HCM-X20-24
23	QM-C.R.D	Tylosin tatrate, Doxycycline	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị bệnh CRD, CRD ghép E.coli, viêm phế quản	HCM-X20-25
24	QM-Quinococ	Sulfaquinoxalin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng ở gia cầm do E.tenela, E.necatrix, E.acervulina	HCM-X20-26
25	QM-Gentaxin	Gentamicin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị E.coli, viêm ruột tiêu chảy, TH, THT ở lợn; viêm xoang mũi, sưng phù đầu, CRD gia cầm	HCM-X20-27
26	QM-Enflox	Enrofloxacin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị viêm phổi do Mycoplasma, tiêu chảy ở lợn; CRD, CCRD, thương hàn, E.coli ở gia cầm; viêm phổi, tiêu chảy ở trâu, bò	HCM-X20-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
27	QM-mequin	Flumequin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị bệnh do E.coli, salmonella, pasteurella, staphylococcus ở lợn và gia cầm	HCM-X20-29
28	QM-S2	Spiramycin abidate; Sulfadimidine	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị viêm phế quản, phổi, THT ở lợn, trâu bò; bệnh khẹt mũi, bệnh do Mycoplasma ở gia cầm	HCM-X20-30
29	QM-Floxin	Norfloxacin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Trị tiêu chảy, phù thũng, sưng mắt ở lợn; viêm ruột, thương hàn,THT, CRD ở gia cầm	HCM-X20-31
30	QM-Coccisol	Sulfadimidine; Diaveridin	Gói, hộp	10; 20; 100; 500g; 50g; 1kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng do E.tenela, E.necatrix, E.acervulina	HCM-X20-32
31	QM-Electrolyte Blend	Sodium bicarbonate; Sodium chloride; Cu; Potassium; Mg; Zn	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1kg 10; 20kg	Phòng ngừa stress, cân bằng chất điện giải trong cơ thể gia súc, gia cầm	HCM-X20-33
32	QM-Bloom Inj	Cocadilate sodium, Citratrate sắt amonium, Methionin HCl, Chlohydrate Histidin, Tryptophan, Acetate Coban, Cyanocobalamin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Dùng trong trường hợp thú ăn không ngon miệng, biếng ăn, tăng trưởng chậm, tình trạng cơ thể gầy yếu và chống sự mất máu ở gia súc	HCM-X20-48
33	QM-Decaris	Levamisol HCl	Gói	2; 5; 10; 50; 100g	Tẩy các loại giun tròn ký sinh ở đường ruột, đường hô hấp ở gia súc, gia cầm như:	HCM-X20-35
34	QM-Enrofloxin Inj	Enrofloxacin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin ở trâu, bò, heo	HCM-X20-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
35	QM-Polyxin INJ	Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị viêm ruột tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột, phù thủng ở heo con, viêm thận, viêm bàng quang, viêm tử cung, viêm đa khớp	HCM-X20-37
36	QM-Nortril 100	Norfloxacin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn, tụ huyết trùng, nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm phổi, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X20-38
37	QM-Tiamulin	Tiamulin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh: hồng lỵ ở heo, đóng dấu, đau móng, viêm phổi, Leptospira	HCM-X20-39
38	QM-Lincoject	Lincomycin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh gây ra do Staphylococci, Streptococci, Erysi-pelothris, Mycoplasma	HCM-X20-40
39	QM-Sulfomide 33	Sufamethoxazon	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm rốn, viêm khớp,…	HCM-X20-41
40	QM-Spira 20	Spiramycin adipate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản - phổi, viêm phổi địa phương, viêm khớp, nhiễm trùng đường ruột, đóng dấu, viêm vú, viêm tử cung ở gia súc, gia cầm	HCM-X20-42
41	QM-Kanamycin 100	Kanamycin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, nhiễm trùng huyết, viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi, nhiễm trùng sau phẫu thuật	HCM-X20-43
42	QM-Gentavet	Gentamycin sufate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, viêm vú, viêm tử cung ở trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X20-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
43	QM-Terracin 100	Oxytetracyclin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, PTH, kiết lỵ, viêm tử cung, đau móng, viêm xoang mũi và viêm phổi	HCM-X20-45
44	QM-Tylo 200	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm phổi do P. multocida và Cor. pyogenes gây ra, trên heo điều trị viêm phổi, đóng dấu, hồng lỵ, đau móng, viêm phế quản. Trên gia cầm điều trị CRD, C.CRD	HCM-X20-46
45	QM-Vit.B_1 Inj	Vitamin B_1	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bại liệt, phù nề, suy nhược, thấp khớp, viêm dây thần kinh, rối loạn thần kinh, tim mạch	HCM-X20-47
46	QM-Anagin C Vit	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, phòng ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau khi bị bệnh	HCM-X20-49
47	QM-ADEBC Ject	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, PP, D-Panthenol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-50
48	QM-Vita 6B+C	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, B_5, PP, C, Methionin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-51
49	QM-Vita Amino Fort	Dextrose, Ca, Mg, Potassium chloride, Methionin, Cystin, Lysin,Vit B_1, B_6, PP	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng, bổ sung acid amin cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-52
50	QM-Amcoli-D	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, viêm đa khớp, phù đầu, THT, thương hàn	HCM-X20-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
51	QM-Sultrim 24	Sulfamethoxason, Trimethoprim	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng máu, nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, đau móng, viêm vú	HCM-X20-54
52	QM-Dexamethasone	Dexamethasone	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Chống dị ứng, viêm da, viêm khớp, bao khớp, aceton, keton huyết, shock và stress	HCM-X20-56
53	QM-QM-Peni-Strep	Penicillin G sodium Streptomycin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm phổi, viêm vú, viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, đóng dấu, viêm khớp, viêm tử cung	HCM-X20-57
54	Peta- Peni.4T	Penicillin G sodium Penicillin G procaine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, khí quản, nhiễm trùng máu, thối rữa, lở loét. Viêm nhiễm cơ quan niệu dục, áp xe, mụn nhọt, mụn mủ trên da. Trị bệnh đóng dấu son, nhiệt thán, viêm vú	HCM-X20-58
55	QM-Speclin	Lincomycin HCl, Spectinomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm khớp do Mycoplasma, tiêu chảy do E.coli, dấu son, viêm ruột tiêu chảy, viêm móng, CRD, E.coli	HCM-X20-59
56	QM-Spiratin	Spiramycin, Colistin sulphate Monopropylene glycol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh viêm phổi ở bê, heo con; bệnh phù nề trên heo con do E.coli; viêm ruột, E.coli; viêm phổi, viêm khớp, viêm vú	HCM-X20-60
57	QM-Gentasul	Gentamicin, Sulphadimidine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, viêm tử cung, đau móng, viêm phổi, viêm xoang mũi	HCM-X20-61
58	QM-Tiacol	Tiamulin, Colistin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh hồng, viêm phổi địa phương, Mycoplasma	HCM-X20-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
59	QM-Tyracin	Tylosin, Tetracyclin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, bệnh hồng lỵ, bệnh do Mycoplasma, đau móng, viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, thương hàn,…	HCM-X20-63
60	QM-Florson	Florphenicol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh viêm ruột, tiêu chảy, đóng dấu, tụ huyết trùng, thương hàn, kiết lỵ; bệnh phân trắng, phân xanh, phân nhớt, thương hàn	HCM-X20-64
61	QM-Spira-S	Spiramycin, Streptomycin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị CRD, viêm túi khí, nhiễm trùng; tiêu chảy, viêm phổi địa phương, dấu son, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung, viêm khớp, áp xe, thương hàn	HCM-X20-65
62	QM-Neopencin	Benzyl Penicilline, Neomycine sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	HCM-X20-66
63	QM-Amoxgen	Gentamicin sulphate, Amoxicilin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Đặc trị viêm phổi, bệnh Clostridia, viêm ruột, viêm khớp	HCM-X20-67
64	QM-Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị lao phổi, viêm vú cấp tính, viêm tử cung, bệnh lỵ, tiêu chảy do Vibrio, thương hàn, PTH, bệnh đóng dấu, THT, sưng mào ở gia cầm, bệnh do E.coli, Salmonella	HCM-X20-75
65	QM-Amoxicillin	Amoxicillin trihydrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, thương hàn, THT, viêm ruột tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương, áp xe	HCM-X20-76

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
66	QM-Sulfadimidin Sodium	Sulfadimidin sodium	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị THT, viêm khí quản, màng phổi - phổi, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, dạ con, viêm vú	HCM-X20-77
67	QM-Enrofloxacin	Enrofloxacin HCl	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma	HCM-X20-78
68	QM-Oxytetracyclin HCl	Oxytetracyclin HCl	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị các bệnh truyền nhiễm gây ra bởi các vi khuẩn Gr(+), Gr(-) và Mycoplasma	HCM-X20-79
69	QM-Colistin Sulfate	Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy phân trắng do E.coli, bệnh thương hàn, PTH, bạch lỵ, THT	HCM-X20-80
70	QM-Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, C.CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm ruột tiêu chảy; viêm phổi phế, suyễn heo do Mycoplasma, lỵ do Vibrio	HCM-X20-81
71	QM-Spiramycin 50%	Spiramycin adipate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm màng hoạt dịch; suyễn, viêm phế quản, khí quản	HCM-X20-82
72	QM-Flumequin 50%	Flumequin sodium	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị tiêu chảy phân trắng, E.coli, bệnh phù thủng sau cai sữa, thương hàn, PTH, THT, viêm sổ mũi truyền nhiễm	HCM-X20-83
73	QM-Sulfadiazin Sodium 99%	Sulfadiazin sodium	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, phụ nhiễm vi trùng, nhiễm trùng sinh dục, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X20-85
74	QM-Amoxicillin trihydrate 98%	Amoxcillin trihydrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bạch lỵ gà con, thương hàn, E.coli, viêm ruột, THT, tiêu chảy phân trắng ở lợn con, viêm khí quản, viêm màng phổi, hội chứng MMA ở heo nái	HCM-X20-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
75	QM-Amoxycol	Amoxicillin trihytrate, Colistin sulfate	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin và Colistin gây ra trên bê, nghé, heo con, chó, mèo	HCM-X20-68
76	QM-Feron B.comp	Iron, Vitamin B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng thiếu máu do thiếu sắt, bổ sung vitamin cần thiết giúp thú tăng trọng nhanh	HCM-X20-69
77	QM-Colexin	Cephalexin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Cefalexin gây ra trên chó, mèo	HCM-X20-70
78	QM-Vita ADE	Vitamin A, D_3, E	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Ngăn ngừa và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E gây ra	HCM-X20-71
79	QM-Colmycin	Kanamycin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin gây ra	HCM-X20-72
80	QM-Amoxyl LA	Amoxicillin trihydrate	Ống, lọ	5ml. 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	HCM-X20-73
81	QM-Vita C Fort	Vitamin C	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa Stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò, heo, chó, mèo	HCM-X20-87
82	QM-Difloxyl	Difloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Difloxacin gây ra trên bê, nghé, chó	HCM-X20-89
83	QM-Ivertin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo	HCM-X20-90
84	QM- Atropin	Atropin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống co thắt, co giật, giải độc trên bò, ngựa, cừu, chó, mèo	HCM-X20-91
85	QM-Mafloxyl	Marbofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
86	QM-Erycoltin	Erythromycin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin và Colistin gây ra trên bò, heo	HCM-X20-93
87	QM-Propenkan	Kanamycin, B.penicilin proca	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp và tiết niệu, bệnh viêm khớp trên bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X20- 94
88	QM-Procpen	Benzyl penicilin procain	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X20-95
89	QM-Calfein	Calcium gluconate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Chống thiếu Canxi, bại liệt, co cơ, tetanus, sốt sữa trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X20-96
90	QM-Mequintacin	Flumequin	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, gia cầm	HCM-X20-98
91	QM-Metapron	Analgin	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, giảm co thắt, trị đau khớp và hạ sốt trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo, chó	HCM-X20-99
92	QM-Ambiotec	Ampicillin trihydrate	Ống, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm màng não, hoại tử tai, viêm ruột, viêm khớp, viêm thận, viêm đường tiết niệu, viêm bàng quang trên bò, lợn, chó, mèo	HCM-X20-100
93	QM-Baciecoli-F	Florfenicol	Gói, bao, xô	10; 20; 50; 100; 400; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-102
94	QM-Ceftifur	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
95	QM-Flor- LA	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-74
96	QM-Spectol	Spectinomycin	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin gây ra trên dê, cừu và heo con	HCM-X23-08
97	QM-Toltracoc	Toltrazuril	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X23-09
98	QM-Neolin	Neomycin sulfate, Kaolin	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh tiêu chảy và viêm ruột trên bê, ngựa con, cừu non, heo con, chó, mèo	HCM-X23-11
99	QM-Colimax	Colistin sulfate	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên heo con, dê non, cừu non	HCM-X23-27
100	QM- Spiraject	Spiramycine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, gia cầm	HCM-X20-101
101	QM-Penistrep suspension	Penicillin G procaine, Dihydrostreptomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng trên trâu, bò, ngựa, heo, dê	HCM-X20-104
102	QM-Enro. O	Enrofloxacine HCl	Lọ	5:10; 20 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp và dạ dày, ruột gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine	HCM-X20-105
103	QM-Nor. O	Norfloxacin HCl	Lọ	5:10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin trên gia cầm	HCM-X20-106
104	QM-Mectin. P	Ivermectin	Gói, bao, xô	50; 100; 400; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh do nội và ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X20-107

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
105	QM- Teracol suspension	Colistin sulfate, Oxytetracyclin HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Colistin và Oxytetracyclin cho bò, cừu, dê, ngựa, heo, chó, mèo	HCM-X20-108
106	QM-Tiamulin.P 20	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao, xô	50; 100; 400; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh lỵ trên heo	HCM-X20-109
107	QM-Tylo DT	Thiamphenicol, Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm vú, tử cung, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X20-110
108	QM-Sone	Florfenicol, Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, gia cầm	HCM-X20-111
109	QM-Tylogenta sone	Tylosin tartrate, Gentamycin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp và sinh sản do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin, Gentamycin gây ra trên trâu, bò, lợn	HCM-X20-112
110	Peta-B.Thionin.C	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, PP, DL-Methionin, Glucose, Taurin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Cân đối vitamin và acid amin thiết yếu cho thú nuôi kể cả động vật nhai lại	HCM-X20-113
111	Peta-Florson LA	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X20-114
112	Peta-Erycol inj	Erythromycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin, Colistin gây ra	HCM-X20-115
113	Peta-C Vit inj	Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, ngăn ngừa stress. Kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau mỗi lần điều trị trên bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X20-116
114	Peta-Neopensus	Benzyl penicillin procain, Neomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Neomycin như: hô hấp,	HCM-X20-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
					sinh dục, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp và phụ nhiễm trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn	
115	Peta-Gentacin.S	Gentamycin sulfate, Sulfadimidine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng, viêm phổi, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm ruột, viêm vú	HCM-X20-118
116	Peta-Tolcox	Toltrazuril	Bình, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo con, cừu và dê con	HCM-X20-119
117	Peta-Fosfan B_{12}	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Dùng bổ dưỡng cho thú khi cơ thể bị thiếu hụt dinh dưỡng, rối loạn hấp thu, thú bị thiếu phosphore, sinh sản kém, thú bị stress, kiệt sức, quá sức, giảm sức đề kháng, thiếu máu	HCM-X20-120
118	Peta-Fer B_{12} inj	Iron (Iron dextran), Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên bê, nghé, lợn con	HCM-X20-121
119	Peta-Tiamulin	Tiamulin (Fumarate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, hô hấp, bệnh lỵ, viêm phổi phức hợp, viêm teo mũi truyền nhiễm trên lợn	HCM-X20-122
120	Peta-Flu Oral	Flumequin	Bình, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin như: E.coli, Samonella, Pasteurella trên bê, gà, vịt	HCM-X20-123
121	Peta-Tilcosin Oral	Tilmicosin	Bình, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X20-124
122	Peta-OTC inj	Oxytetracyclin base	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	HCM-X20-125

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
123	Peta-Amox LA	Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp do vi khuẩn gram dương gây ra	HCM-X20-126
124	Peta-Tylo DT	Thiamphenicol Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phế quản, thối móng, viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, viêm phổi, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy, viêm ruột, hội chứng MMA, sốt sữa, trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HCM-X20-127
125	Peta-Colistin inj	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra	HCM-X20-128
126	Peta-Sone	Florfenicol, Oxytetracyclin HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, màng phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-129
127	Peta-Dexa inj	Dexamethasone sodium phosphate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm, bệnh ngoài da viêm khớp, thấp khớp trâu, bò, heo	HCM-X20-130
128	Peta-Mectin inj	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, cừu	HCM-X20-131
129	Peta-Cepha sus	Cephalexin monohydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng da, áp xe, nhiễm trùng hô hấp, nhiễm trùng đường tiết niệu	HCM-X20-132
130	Peta-Genamox sus	Gentamycin sulfate Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm ruột, viêm vú trên ngựa bò, heo, dê, cừu	HCM-X20-133
131	Peta-Penstrep sus	Benzylpenicillin procain, Dihydrostreptomycine sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và Dihydrostreptomycin trên ngựa, trâu, bò, dê, heo	HCM-X20-134
132	Peta- Analgin	Analgin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, heo	HCM-X20-135

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
133	Peta-Calcium inj	Calcium gluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Cung cấp Calcium trong trường hợp thú bị thiếu khoáng, khẩu phần thức ăn không cân đối, bị stress	HCM-X20-136
134	Peta-Gentatylo	Tylosin tartrate Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Gentamycin chủ yếu trên đường hô hấp và sinh sản (hội chứng MMA)	HCM-X20-137
135	Peta-Flumtacin sus	Flumequin base	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa do E.coli, Salmonella, Pasteurella, bệnh đường hô hấp do Staphylococcus trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X20-138
136	Peta-Enro oral	Enrofloxacin base	Lọ, bình nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa do E.coli trên gia cầm	HCM-X20-139
137	Peta-Cocci oral	Sulfadimidine sodium Sulfaquinoxaline sodium	Lọ, bình nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5 lít	Trị tiêu chảy, viêm ruột, tụ huyết trùng	HCM-X20-140
138	Peta-Antiecoli	Neomycin (sulfate) Colistin (sulfate)	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột trên bê, cừu non, ngựa non, heo, thỏ, gia cầm	HCM-X20-141
139	Peta-CRD	Doxycyclin Hyclate Tylosin tartrate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột trên bê, dê, cừu, heo và gia cầm	HCM-X20-142
140	Peta-Flor premix	Florfenicol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng	HCM-X20-143

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
141	Peta-Amoxcol	Amoxicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-144
142	Colamoxin	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu bò, dê, cừu, heo và gia cầm	HCM-X20-145
143	B complex C	Vitamin: B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP, C, Methionine, glucose, taurine	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-146
144	Ampicol	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, viêm đa khớp, phù đầu, tụ huyết trùng, thương hàn	HCM-X20-147
145	Peta-Amcoli sus	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, viêm đa khớp, phù đầu, tụ huyết trùng, thương hàn	HCM-X20-148
146	Dexaject	Dexamethasone sodium phosphate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Chống dị ứng, viêm da, viêm khớp, viêm bao khớp, bệnh aceton, keton huyết, shock và stress	HCM-X20-149
147	Gentamoxyl	Gentamycin sulfate Amoxicillin trihydrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị viêm phổi, bệnh Clostridia, viêm ruột, viêm khớp	HCM-X20-150
148	Fer B_{12} ject	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Phòng thiếu máu do thiếu sắt, bổ sung vitamin cần thiết giúp thú tăng trọng nhanh	HCM-X20-151
149	Amoxyla	Amoxicillin trihydrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp do vi khuẩn Gam(+), Pasteurella	HCM-X20-152

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
150	Vita C Ject	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò heo, chó, mèo	HCM-X20-153
151	Mectinject	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nội, ngoại, ký sinh trùng trên trâu, bò, heo	HCM-X20-154
152	Anagin ject	Analgin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Giảm đau, giảm co thắt, trị đau khớp và hạ sốt trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo, chó	HCM-X20-155
153	Florcombisone	Florfenicol Oxytetracyclin HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, gia cầm	HCM-X20-156
154	Strepen inject	Benzylpenicillin procain Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng trên trâu, bò, ngựa, heo, dê. Do vi khuẩn nhạy cảm với Penicilline và streptomycine gây ra	HCM-X20-157
155	Peta-OTC Spray	Oxytetracycline HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng vết thương trên gia súc	HCM-X20-158
156	Levaject	Levamisol HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm giun trên đường tiêu hóa, giun móc, giun đũa, giun thận và giun phổi…	HCM-X20-159
157	QM-Flor. Doc	Florfenicol Doxycycline Hyclate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp tiêu hóa, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não trên trâu, bò, heo	HCM-X20-160
158	Peta-Analgin.C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, phòng ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau khi bị bệnh	HCM-X20-161
159	Peta-Enro 50 INJ	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, heo	HCM-X20-162

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
160	Peta-Spiratrep	Spiramycin Adipate Streptomycin sulfate	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, viêm túi khí, nhiễm trùng Staphylococcus, tiêu chảy do vi trùng, viêm phổi địa phương, dấu son, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung, viêm khớp, áp xe, thương hàn	HCM-X20-163
161	Peta-Tiacolijject	Tiamulin Fumarate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh hồng lỵ, viêm phổi địa phương, Mycoplasma	HCM-X20-164
162	Peta-Leva inj	Levamysol	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị giun, sán đường tiêu hóa, phổi trên heo	HCM-X20-165
163	QM-Fosfan B_{12}	Butafosfan; Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Dùng bổ dưỡng cho thú khi cơ thể bị thiếu hụt dinh dưỡng, rối loạn hấp thu, thú bị thiếu phosphore, sinh sản kém, thú bị stress, kiệt sức, giảm sức đề kháng, thiếu máu	HCM-X20-166
164	QM-Tetra spray	Oxytetracyclin HCl	Bình xịt	100; 200; 500ml	Phòng và trị nhiễm trùng vết thương	HCM-X20-168
165	QM-Colamoxin	Amoxicillin trihydrate; Colistin sulfate	Gói, bao, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-169
166	QM-Flor oral	Florfenicol	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5l	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X20-170
167	QM-Tilmycosin Oral	Tilmicosin phosphate	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, gia cầm	HCM-X20-171
168	QM- Apracin	Apramycin sulfate	Gói, bao, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị viêm ruột trên bò, heo, gia cầm	HCM-X20-172

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
169	Patrolyte C	Paracetamol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Giảm đau, hạ sốt trên heo, gia cầm	HCM-X20-173
170	Analyte C	Analgin,Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Giảm đau, hạ sốt, chống mất nước, chất điện giải trên gia súc, gia cầm	HCM-X20-174
171	Bromsolon	Bromhexin HCl	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Làm loãng đàm, tan đàm	HCM-X20-175
172	Tiadoxin	Doxycyclin hyclate, Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X20-176
173	Gendoxin	Doxycyclin hyclate, Gentamycin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-177
174	Neodox	Doxycyclin hyclate, Neomycin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-178
175	Tylosulfa	Tylosin tartrate Sulfamethoxazol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm ruột trên heo	HCM-X20-179
176	Erytercin	Oxytetracyclin HCl Erythromycin thiocyanate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, heo, gia cầm	HCM-X20-180
177	Ampi.E	Ampicillin trihydrate Erythromycin thiocyanate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên gia cầm	HCM-X20-181

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
178	QM-Toltracoc pump	Toltrazuril	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500; 1; 2; 4; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo, dê non, cừu non	HCM-X20-182
179	Tracil pump	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên heo, dê non, cừu non	HCM-X20-183
180	Vita K INJ	Menadion sodium bisulfite	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh xuất huyết, cầm máu, giảm chảy máu trong phẫu thuật, tình trạng nghẽn mạch máu cấp tính hoặc mãn tính, nhiễm độc do tác nhân là chất chống đông máu	HCM-X20-184
181	Caltaphos	Calcium (gluconate) Calcium (glucoheptonate) Chlorure magnesium Butafosfan	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh hạ Canxi hoặc thiếu Magiê hoặc thiếu Phospho gây sốt sản trên thú sinh sản, cương cơ, động kinh	HCM-X20-185
182	Tolfen LA	Tolfenamic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng hiệu quả trong điều trị bệnh viêm phổi, tiết dịch mũi, viêm vú cấp tính, viêm tử cung cấp tính, sốt sữa trên trâu, bò, heo	HCM-X20-186
183	Oxylin LA	Oxytetraxyclin base	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm móng, viêm rốn, bạch hầu, Lepto trên trâu, bò, heo	HCM-X20-187

(Xem tiếp Công báo số 375 + 376)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng